Biểu 25/CH

DANH MỤC CÔNG TRÌNH TRONG KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2025 HUYỆN CAO LỘC

STT	Hạng mục công trình, dự án	Mã QH	Tổng diện tích dự án	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm																												Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ	Ghi chú	Văn bản pháp lý
						Tổng diện tích	Trông đó: Sử dụng vào diện tích từng loại đất																														
							LUC	LUK	HNK	CLN	RPH	RSX	NTS	ONT	ODT	TSC	CQP	CAN	DVH	DYT	DGD	DTT	DSK	TMD	SKC	DGT	DTL	DDD	DRA	DNL	TIN	NTD	SON	PNK	CSD				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)																												(9)	(10)	(11)	(12)
I	**Các công trình, dự án đã được xác định trong năm kế hoạch trước và các công trình dự án theo quy định tại khoản 4 điều 67 Luật Đất đai được tiếp tục thực hiện trong năm kế hoạch**																																				
	ĐẤT QUỐC PHÒNG																																				
1	Trụ sở mới đồn biên phòng Thanh Lòa	CQP	3,60	3,60	3,35	0,25						0,25																							Xã Thanh Lòa	Tờ 84, 67, 83, 68	Chuyển tiếp, điều chỉnh diện tích	Công văn đăng ký số 474/BCH-TM ngày 18/11/2021 của BCHQS tỉnh vv tham gia ý kiến thẩm định kế hoạch SDD huyện Cao Lộc năm 2022
2	Xây dựng công trình quốc phòng ĐH2-CĐT1/THLS-2023	CQP	7,50	7,50		7,50		0,20	1,23	0,43		5,38														0,25								0,004	Xã Thụy Hùng	Tờ bản đồ 51,52	Chuyển tiếp	Công văn số 1369/BCH-TaH ngày 30/8/2016 của Bộ CHQS tỉnh Lạng Sơn
3	Chốt chiến đấu dân quân thường trực biên giới đất liền xã Cao Lâu, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn	CQP	2,50	2,50		2,50						2,50																							Xã Cao Lâu	Thửa số 311, 313, 314, 315, 360, 361 tờ BĐ số 04LN	Chuyển tiếp, điều chỉnh tên	Quyết định số 263/QĐ-BQP ngày 17/01/2024 về phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình chốt chiến đấu dân quân thường trực biên giới đất liền xã Cao Lâu, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn
	ĐẤT AN NINH																																				
4	Trụ sở Công an xã Yên Trạch	CAN	0,22	0,22		0,22						0,22																							Xã Yên Trạch	Thửa 253 tờ bản đồ lâm nghiệp 02	Chuyển tiếp, điều chỉnh diện tích	CV 1066/BCA-H02 ngày 26/3/2020 của bộ công an v/v quy hoạch bố trí đất an ninh để xây dựng trụ sở công an xã, thị trấn thuộc Bộ công an trên toàn quốc
5	Trụ sở Công an xã Thạch Đạn	CAN	0,18	0,18		0,18		0,06					0,12																						Xã Thạch Đạn	Thửa 225, 234, 253 tờ bản đồ 87	Chuyển tiếp	Quyết định số 827/QĐ-UBND ngày 12/5/2022 UBND tỉnh Lạng Sơn ban hành đề án đảm bảo cơ sở vật chất cho Công an xã chính quy trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn
6	Trụ Sở Công an xã Tân Thành	CAN	0,20	0,20		0,20			0,09	0,11																									Xã Tân Thành	Thửa 24, 33 tờ bản đồ 99	Chuyển tiếp	
7	Trụ sở Công an xã Tân Liên	CAN	0,16	0,16		0,16			0,16																										Xã Tân Liên	Thửa 224, 225, 246, 503, 264, 263, 245, 206, 207 tờ 31	Chuyển tiếp	
8	Trụ sở Công an xã Phú Xá	CAN	0,20	0,20		0,20			0,20																										Xã Phú Xá	Thửa 167 tờ bản đồ 27	Chuyển tiếp	
9	Trụ sở Công an xã Lộc Yên	CAN	0,15	0,15		0,15			0,09					0,02							0,04														Xã Lộc Yên	Thửa đất số 153, 154, 166, 188, 189 tờ bản đồ số 54	Chuyển tiếp, điều chỉnh loại đất lấy vào	
10	Trụ sở Công an xã Hồng Phong	CAN	0,11	0,11		0,11						0,11																							Xã Hồng Phong	Thửa 1, 2, 22 tờ bản đồ 26	Chuyển tiếp, điều chỉnh diện tích	
11	Trụ sở Công an xã Hòa Cư	CAN	0,15	0,15		0,15			0,15																										Xã Hòa Cư	Thửa 74, 81, 82, 77, 78 tờ bản đồ 57	Chuyển tiếp	
12	Trụ sở Công an xã Hải Yến	CAN	0,14	0,14		0,14		0,10	0,04																										Xã Hải Yến	Thửa 650, 680, 679 tờ bản đồ 27 Thửa 2 tờ bản đồ 41	Chuyển tiếp	
13	Trụ sở Công an xã Gia Cát	CAN	0,20	0,20		0,20							0,20																						Xã Gia Cát	Thửa 330, 316, 348, 331 tờ bản đồ 96	Chuyển tiếp	
14	Trụ sở Công an xã Bình Trung	CAN	0,19	0,19		0,19			0,19																										Xã Bình Trung	Thửa 10 tờ bản đồ 27	Chuyển tiếp, điều chỉnh loại đất lấy vào	
15	Trụ sở Công an xã Thụy Hùng, huyện Cao Lộc	CAN	0,19	0,19		0,19	0,00		0,19																										Xã Thụy Hùng	Thửa 184, 470, 258 tờ bản đồ 64	Chuyển tiếp, điều chỉnh diện tích	CV 1066/BCA-H02 ngày 26/3/2020 của bộ công an v/v quy hoạch bố trí đất an ninh để xây dựng trụ sở công an xã, thị trấn thuộc Bộ công an trên toàn quốc
	ĐẤT CỤM CÔNG NGHIỆP		**53,20**	**53,20**		**53,20**																															

STT	Hạng mục công trình, dự án	Mã QH	Tổng diện tích dự án	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm																													Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ	Ghi chú	Văn bản pháp lý
						Tổng diện tích	Trông đó: Sử dụng vào diện tích từng loại đất																															
							LUC	LUK	HNK	CLN	RPH	RSX	NTS	ONT	ODT	TSC	CQP	CAN	DVH	DYT	DGD	DTT	DSK	TMD	SKC	DGT	DTL	DDD	DRA	DNL	TIN	NTD	SON	PNK	CSD				
16	Xây dựng hạ tầng Cụm công nghiệp Hợp Thành 1, Hợp Thành 2 và khu tái định cư Hợp Thành, theo hình thức đối tác công tư (PPP), loại hợp đồng Xây dựng – Chuyển giao (BT)	SKN, KDC	53,20	53,20		53,20	2,20	16,81	6,51	1,75		6,34	1,08		1,74				0,01						11,52	3,99							1,25			TT Cao Lộc, Xã Hợp Thành		Chuyển tiếp	Văn bản số 679/SCT-QLNL ngày 28/4/2022 V/v thống nhất chỉ tiêu đất, cập nhật danh mục vào Quy hoạch sử dụng đất đến 2030, KHSDĐ 5 năm (2021-2025) đối với các dự án thuộc lĩnh vực ngành công thương trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn Công văn số 622/TTg-NN ngày 20/7/2022 của Thủ tướng Chính phủ V/v chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn; Quyết định số 593/QĐ-UBND ngày 03/4/2018 của UBND tỉnh; Quyết định số 1118/QĐ-UBND ngày 18/6/2018 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi
	Cụm công nghiệp Hợp Thành 1, Hợp Thành 2		*49,27*	*49,27*		*49,27*	*2,20*	*14,25*	*5,59*	*1,75*		*6,34*	*1,03*		*1,74*				*0,01*						*11,52*	*3,58*							*1,25*			*TT Cao Lộc, Xã Hợp Thành*	*Tờ 41, 33, 42, 43, 50 thị trấn Cao Lộc Tờ 40, 44, 45, 46, 51, 52 ,53 ,58 ,59 xã Hợp Thành*		
	Khu tái định cư cụm công nghiệp Hợp Thành, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn		3,93	*3,93*		*3,93*		*2,56*	*0,92*				*0,05*													*0,41*										*Xã Hợp Thành*	*Tờ 46*		
	ĐẤT GIAO THÔNG																																					
17	Dự án tuyến cao tốc cửa khẩu Hữu Nghị - Chi Lăng theo hình thức BOT	DGT	309,18	309,18	18,03	291,15	25,49	20,82	38,82	27,98		137,98	1,99	7,66	0,78				0,11		0,10	0,02		6,05	2,65	13,19	0,20		0,01	0,03	0,02	0,24212	1,90		5,11	Thị trấn Cao Lộc, thị trấn Đồng Đăng, Xã Hợp Thành, xã Phú Xá, xã Thạch Đạn, xã Thụy Hùng, Xã Yên Trạch, xã Bảo Lâm, xã Gia Cát, xã Hồng Phong,	Công trình dạng tuyến	Chuyển tiếp, điều chỉnh quy mô, loại đất (ĐCKH 2024)	Quyết định số 726/QĐ-TTg ngày 28/4/2016 của Thủ tướng Chính phủ; Quyết định số 1833/QĐ-BGTVT ngày 14/6/2016 của Bộ GTVT; Thông báo số 602/TB-UBND ngày 28/10/2022 của UBDN tỉnh
18	Cải tạo nâng cấp QL4B (đoạn Km3+700 đến Km18)	DGT	53,07	53,07	51,57	1,50	0,70	0,20	0,45	0,15																										Xã Gia Cát; Hợp Thành	Công trình dạng tuyến	Chuyển tiếp	QĐ số 2346/QĐ-UBND ngày 11/11/2020 của UBND tỉnh về việc phê duyệt BC NCKT dự án cải tạo, nâng cấp QL4B; Báo cáo số 873/BC-BQLDA ngày 24/9/2020 của Ban Quản lý dự án DTXD tỉnh
19	Cải tạo, nâng cấp đường Cao Lộc - Ba Sơn (ĐH.28), huyện Cao Lộc tỉnh Lạng Sơn	DGT	55,43	55,43	48,33	7,10	0,94	0,65	1,25	1,61		2,11	0,02	0,20					0,00		0,02						0,08			0,00		0,00524	0,02		0,18	xã Hòa Cư, Hải Yến, Hợp Thành, Cao Lâu	Công trình dạng tuyến	Chuyển tiếp	Nghị Quyết 15/NQ-HĐND ngày 13/7/2020 về chủ trương đầu tư dự án Quyết định số 789/QĐ-UBND ngày 13/4/2021 của UBND tỉnh Lạng Sơn phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình
20	Bến xe, trạm trung chuyển hàng khách – hàng hóa; điểm tập kết kiểm tra hàng hóa xuất nhập khẩu tại cửa khẩu Quốc tế Hữu Nghị huyện Cao Lộc	DGT	25,59	25,60	18,50	7,10		1,82	0,46	3,74		0,04			0,44								0,25		0,01	0,18							0,16			TT Đồng Đăng	Tờ số 7, 12	Chuyển tiếp	Quyết định số 1117/QĐ-UBND ngày 22/6/2017 của UBND tỉnh; Quyết định số 698/QĐ-UBND ngày 02/3/2018 của UBND huyện Cao Lộc Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư đồng tời chấp nhận nhà đầu tư số 07/QĐ-BQLKKTCK ngày 12/2/2022 - Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 8381073358 ngày 12/02/2022 - Quyết định số 2886/QĐ-UBND ngày 29/8/2019 của UBND huyện Cao Lộc phê duyệt điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 - QUyết định 4216/QĐ-UBND ngày 13/9/2021 của UBND huyện Cao Lộc phê duyệt điều

STT	Hạng mục công trình, dự án	Mã QH	Tổng diện tích dự án	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm																													Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ	Ghi chú	Văn bản pháp lý
						Tổng diện tích	Trông đó: Sử dụng vào diện tích từng loại đất																															
							LUC	LUK	HNK	CLN	RPH	RSX	NTS	ONT	ODT	TSC	CQP	CAN	DVH	DYT	DGD	DTT	DSK	TMD	SKC	DGT	DTL	DDD	DRA	DNL	TIN	NTD	SON	PNK	CSD				
21	Mở rộng đường vận chuyển hàng hóa chuyên dụng tại khu vực mốc 1119-1120 cửa khẩu quốc tế Hữu Nghị, huyện Cao Lộc	DGT, DRA	17,07	17,07		17,07	0,19	0,43	1,14	1,83		12,39	0,43		0,04											0,61									0,01	TT Đồng Đăng, Xã Bảo Lâm	Công trình dạng tuyến	Chuyển tiếp, điều chỉnh diện tích	Nghị quyết số 39/NQ-HĐND ngày 25/11/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lạng Sơn về chủ trương đầu tư dự án Mở rộng đường vận chuyển hàng hoá chuyên dụng tại khu vực mốc 1119 - 1120 cửa khẩu quốc tế Hữu Nghị, huyện Cao Lộc; Nghị quyết số 27/NQ-HĐND ngày 21/11/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lạng Sơn về điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án Quyết định số 2055/QĐ-UBND ngày 27/12/2022 Về việc phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng Dự án: Mở rộng đường vận chuyển hàng hóa chuyên dụng tại khu vực mốc 1119 - 1120 cửa khẩu quốc tế Hữu Nghị, huyện Cao Lộc Quyết định số 865/QĐ-TTg ngày 17/8/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án thí điểm xây dựng cửa khẩu thông minh
DGT	*Đường vận chuyển hàng hóa chuyên dụng tại khu vực mốc 1119-1120*		9,54	*9,54*		*9,54*			*0,57*	*1,00*		*7,31*	*0,07*		*0,04*											*0,53*									*0,01*	*TT Đồng Đăng*	*Công trình dạng tuyến*		
DRA	*Bãi đổ thải phục vụ dự án Mở rộng đường vận chuyển hàng hóa chuyên dụng tại khu vực mốc 1119-1120 cửa khẩu quốc tế Hữu Nghị, huyện Cao Lộc*		7,53	*7,53*		*7,53*	*0,19*	*0,43*	*0,57*	*0,82*		*5,07*	*0,36*													*0,08*										*Xã Bảo Lâm*	*Tờ 46, 47, 34, 2LN*		
22	Đường vào trung tâm xã Xuân Long - Tràng Các, huyện Cao Lộc, huyện Văn Quan	DGT	10,94	10,94	7,15	3,79	0,20	0,20	0,32	0,06		2,10	0,01	0,20								0,00											0,70			Xã Tân Thành; Xuân Long	Công trình dạng tuyến	Chuyển tiếp, điều chỉnh loại đất lấy vào	Nghị Quyết số 52/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của HĐND tỉnh về Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 tỉnh Lạng Sơn; Quyết định số 1442/QĐ-UBND ngày 21/7/2021 của UBND tỉnh Lạng Sơn Quyết định số 1730/QĐ-UBND ngày 30/10/2014 của UBND tỉnh Lạng Sơn về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình Đường vào trung tâm xã Xuân Long, xã Tràng Các, huyện Cao Lộc, huyện Văn Quan; Quyết định số 1442/QĐ-UBND ngày 20/7/2021 của UBND tỉnh Lạng Sơn phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng công trình Đường vào trung tâm xã Xuân Long, xã Tràng Các, huyện Cao Lộc, huyện Văn Quan
23	Cải tạo các ga trên các tuyến đường sắt phía Bắc (Hạng mục ga Đồng Đăng)	DGT	3,80	3,80		3,80			0,02	0,14					0,08											3,55							0,01			TT Đồng Đăng		Chuyển tiếp	Quyết định số 1751/QĐ-BGTVT ngày 04/10/2021 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Cải tạo các ga trên các tuyến đường sắt phía Bắc
	ĐẤT THƯƠNG MẠI, DỊCH VỤ																																					
24	Khu trung chuyển hàng hóa thuộc khu kinh tế cửa khẩu Đồng Đăng-Lạng Sơn	TMD	136,96	136,97	58,15	78,82	2,14	6,27	12,39	2,45		47,79	0,21	2,54										0,24		4,46	0,10						0,22			Xã Thụy Hùng; Phú Xá	Tờ 22, 31, 30, 40, 41 xã Thụy Hùng Tờ 7, 8, 9, 12, 13, 14, 15 xã Phú Xá	Chuyển tiếp, điều chỉnh diện tích	Quyết định số 357/QĐ-UBND ngày 03/3/2017 của UBND tỉnh Quyết định số 1936/QĐ-UBND ngày 04/10/2018, Chấp thuận chủ trương đầu tư số 260/UBND-KT ngày 09/3/2021, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư lần 03 cấp ngày 26/5/2023
	ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP																																					

STT	Hạng mục công trình, dự án	Mã QH	Tổng diện tích dự án	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm																													Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ	Ghi chú	Văn bản pháp lý
						Tổng diện tích	Trông đó: Sử dụng vào diện tích từng loại đất																															
							LUC	LUK	HNK	CLN	RPH	RSX	NTS	ONT	ODT	TSC	CQP	CAN	DVH	DYT	DGD	DTT	DSK	TMD	SKC	DGT	DTL	DDD	DRA	DNL	TIN	NTD	SON	PNK	CSD				
25	Đầu tư hạ tầng Khu chế xuất 1 thuộc Khu kinh tế cửa khẩu Đồng Đăng - Lạng Sơn	SKC	70,00	70,00		70,00	0,26	8,90	9,79	14,21		27,72	0,09	2,13												1,29					0,07	0,02	3,40		2,14	Xã Hồng Phong, Phú Xá	Tờ 28, 36 xã Hồng Phong Tờ 7, 11, 12, 18, 19 xã Phú Xá	Chuyển tiếp, điều chỉnh diện tích	GCN đăng ký Đầu tư số 4687288808 Chứng nhận lần đầu: Ngày 31 tháng 01 năm 2018; Chứng nhận điều chỉnh lần thứ nhất: Ngày 19 tháng 4 năm 2022 Chứng nhận điều chỉnh lần thứ hai: Ngày 25 tháng 10 năm 2023
	ĐẤT NĂNG LƯỢNG																																					
26	Xuất tuyến trung áp 22kV lộ 471,473 sau TBA 110kV Cao Lộc	DNL	0,08	0,08		0,08		0,02	0,02	0,02		0,02																								Các xã, thị trấn	Công trình dạng tuyến	Chuyển tiếp (Công trình đã thi công)	Quyết định 1142/QĐ-EVNNPC ngày 26/5/2022 về việc duyệt danh mục và tạm giao kế hoạch vốn công trình ĐTXD
27	Xuất tuyến trung áp lộ 371,373, 375 sau TBA 110kV Cao Lộc	DNL	0,05	0,05		0,05		0,01	0,01	0,01		0,01		0,00																						Các xã, thị trấn	Công trình dạng tuyến	Chuyển tiếp (ĐC KH2024) (Công trình đã thi công)	Quyết định 1142/QĐ-EVNNPC ngày 26/5/2022 về việc duyệt danh mục và tạm giao kế hoạch vốn công trình ĐTXD Q.định 618/QĐ-PCLS ngày 19/8/2022 phê duyệt Báo cáo KT-KT Đ.Tư XD công trình
28	Xuất tuyến trung áp 22kV lộ 475,477 sau TBA 110kV Cao Lộc	DNL	0,05	0,05		0,05		0,01	0,01	0,01		0,01		0,00																						Các xã, thị trấn	Công trình dạng tuyến	Chuyển tiếp (Công trình đã thi công)	Quyết định 1142/QĐ-EVNNPC ngày 26/5/2022 về việc duyệt danh mục và tạm giao kế hoạch vốn công trình ĐTXD Q.định 613/QĐ-PCLS ngày 18/8/2022 phê duyệt Báo cáo KT-KT Đ.Tư XD công trình
29	Xuất tuyến trung áp lộ 377,479 sau TBA 110kV Cao Lộc	DNL	0,05	0,05		0,05		0,01	0,01	0,01		0,01		0,00																						Các xã, thị trấn	Công trình dạng tuyến	Chuyển tiếp (ĐC KH2024) (Công trình đã thi công)	Quyết định 1142/QĐ-EVNNPC ngày 26/5/2022 về việc duyệt danh mục và tạm giao kế hoạch vốn công trình ĐTXD Q.định 612/QĐ-PCLS ngày 18/8/2022 phê duyệt Báo cáo KT-KT Đ.Tư XD công trình
30	Đường dây và TBA 110KV Bình Gia	DNL	0,40	0,40		0,40	0,10		0,10	0,10		0,10																								Xã Hồng Phong, Phú Xá, Bình Trung	Công trình dạng tuyến	Chuyển tiếp, điều chỉnh tên, diện tích (Công trình đã thi công)	Quyết định số 880/QĐ-BCT ngày 10/04/2019 của Bộ trưởng Bộ Công thương về việc phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng công trình; Quyết định số 714/QĐ-BCT ngày 03/03/2020 của Bộ trưởng Bộ Công thương về việc phê duyệt thiết kế kỹ thuật, Thiết kế bản vẽ thi công và dự toán tiểu dự án đường dây 110kV và TBA 110KV Bình Gia
31	Cải tạo đường dây 110kV Bắc Giang - Lạng Sơn	DNL	0,105	0,105		0,11	0,02		0,02			0,05					0,02																		0,00	Xã Tân Thành	Công trình dạng tuyến	Chuyển tiếp, Điều chỉnh diện tích loại đất lấy vào (ĐCKH 2024) (Công trình đang triển khai)	Quyết định số 301/QĐ-EVNNPC ngày 31/12/2020 của Tổng Công ty điện lực miền bắc về việc phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi ĐTXD công trình Quyết định 299/QĐ-EVNNPC ngày 15/2/2022 Phê duyệt Thiết kế kỹ thuật; Thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng công trình Cải tạo đường dây 110kV Bắc Giang - Lạng Sơn
32	Nâng cao độ tin cậy cung cấp lưới điện trung áp 35kV khu kinh tế cửa khẩu Đồng Đăng-Lạng Sơn, khu công nghiệp Hồng Phong theo phương án đa chia đa nối (MDMC)	DNL	0,07	0,07		0,07		0,02	0,02	0,02		0,01		0,01																						Các xã, thị trấn.	Công trình dạng tuyến	Chuyển tiếp (ĐC KH2024) (Công trình đã thi công)	Quyết định 2473/QĐ-EVNNPC ngày 04/10/2022 v/v duyệt danh mục và tạm giao KHV công trình ĐTXD năm 2023 Q.định 1065/QĐ-PCLS ngày 21/12/2022 phê duyệt Báo cáo KT-KT Đ.Tư XD công trình
33	Cấy TBA CQT lưới điện, giảm tổn thất điện năng khu vực huyện Cao Lộc, thành phố Lạng Sơn năm 2021	DNL	0,042	0,042		0,04	0,01		0,01	0,02		0,01		0,002																						các xã: Hợp Thành, Gia Cát, Tân Liên	Công trình dạng tuyến	Chuyển tiếp (Công trình đã thi công)	Quyết định số 1111/QĐ-PCLS ngày 06/10/2021 của Công ty Điện lực Lạng Sơn phê duyệt Báo cáo KT-KT Đầu tư xây dựng công trình Đăng ký danh mục ĐTXD
34	Cải tạo lưới 22kV nâng cao hiệu quả mạch vòng phía Bắc và phía Đông Thành Phố Lạng Sơn	DNL	0,04	0,04		0,04			0,00	0,01					0,024											0,005									0,00	Thị trấn Cao Lộc	Công trình dạng tuyến	Chuyển tiếp (Công trình đã thi công)	Q.định 782/QĐ-EVN-NPC ngày 13/4/2023 Q.định phê duyệt danh mục và tạm giao KHV công trình ĐTXD bổ sung năm 2023 Q.định 526/QĐ-PCLS ngày 25/6/2023 phê duyệt Báo cáo KT-KT Đ.Tư XD công trình

STT	Hạng mục công trình, dự án	Mã QH	Tổng diện tích dự án	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm																													Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ	Ghi chú	Văn bản pháp lý
						Tổng diện tích	Trông đó: Sử dụng vào diện tích từng loại đất																															
							LUC	LUK	HNK	CLN	RPH	RSX	NTS	ONT	ODT	TSC	CQP	CAN	DVH	DYT	DGD	DTT	DSK	TMD	SKC	DGT	DTL	DDD	DRA	DNL	TIN	NTD	SON	PNK	CSD				
35	Cấy TBA CQT giảm bán kính, giảm tổn thất điện năng khu vực Thành Phố Lạng Sơn năm 2024	DNL	0,03	0,03		0,03		0,01	0,01	0,006				0,003	0,00											0,002										Xã Phú Xá, xã Thụy Hùng, thị trấn Cao Lộc, xã Gia Cát	Công trình dạng tuyến	Chuyển tiếp (Công trình đã thi công)	Quyết định số 1296/QĐ-EVNNPC ngày 15/6/2023 của Tổng công ty Điện lực miền Bắc duyệt danh mục và tạm giao kế hoạch vốn công trình ĐTXD năm 2024
36	Triển khai tự động hóa mạch vòng lưới điện trung áp khu vực tỉnh Lạng Sơn năm 2024	DNL	0,06	0,06		0,06		0,01	0,02	0,00		0,02		0,00												0,00										Xã Hải Yến, Công Sơn	Công trình dạng tuyến	Chuyển tiếp (Công trình đã thi công)	Quyết định 1210/QĐ-PCLS ngày 11/11/2023 duyệt Báo cáo Kinh tế kỹ thuật công trình.
37	Cải tạo nâng cao năng lực mạch vòng 373 E13.8 Cao Lộc - 376E13.2 Lạng Sơn khu vực Bằng Khánh - Mẫu Sơn năm 2025	DNL	0,07	0,07		0,07		0,01	0,01	0,01		0,01		0,01	0,003											0,01									0,003	Xã Công Sơn	Công trình dạng tuyến	Chuyển tiếp, điều chỉnh tên dự án (Công trình đang triển khai)	Quyết định 2365/QĐ-EVNNPC ngày 28/10/2024 của Tổng Công ty Điện lực miền Bắc duyệt danh mục ĐTXD.
38	Nâng cao độ tin cậy cung cấp lưới điện trung áp 22kV khu vực thành phố Lạng Sơn, 35kV khu vực huyện Hữu Lũng, Cao Lộc theo phương án đa chia đa nối (MDMC) năm 2024	DNL	0,04	0,04		0,04		0,01	0,01	0,01		0,01			0,00																				0,00	Xã Thụy Hùng, xã Phú Xá	Công trình dạng tuyến	Chuyển tiếp (Công trình đang thi công)	Quyết định 1318/QĐ-PCLS ngày 24/11/2023 duyệt Báo cáo KT-KT công trình.
39	Cải tạo lưới điện hạ áp nông thôn các xã Tân Liên, Lộc Yên, Thụy Hùng, Thạch Đạn, Gia Cát, TT Đồng Đăng, TT Cao Lộc, huyện Cao Lộc	DNL	0,06	0,06		0,06		0,02	0,01	0,01		0,01		0,003	0,01											0,003									0,01	Xã Tân Liên, Lộc Yên, Thụy Hùng, Thạch Đạn, Gia Cát, TT Đồng Đăng, TT Cao Lộc	Công trình dạng tuyến	Chuyển tiếp (Công trình đã thi công)	Quyết định số 2392/QĐ-EVNNPC ngày 16/10/2023 của Tổng công ty Điện lực miền Bắc, về việc phê duyệt danh mục và tạm giao KHV công trình ĐTXD bổ sung năm 2023 cho Công ty Điện lực Lạng Sơn Quyết định 1238/QĐ-PCLS ngày 17/11/2023 duyệt Báo cáo KT-KT công trình.
40	Nâng cao chất lượng của lưới điện hạ áp năm 2024-2025 cho các TBA CC khu vực phường Chi Lăng, xã Hoàng Đồng, Mai Pha, Quảng Lạc, TP Lạng Sơn; xã Hồng Phong, Gia Cát, Thụy Hùng, Hợp Thành, Xuất Lễ	DNL	0,09	0,09		0,09		0,02	0,01	0,01		0,01	0,00	0,02											0,01	0,008					0,00			0,01	Các xã: Hồng Phong, Gia Cát, Thụy Hùng, Hợp Thành, Xuất Lễ.	Công trình dạng tuyến	Chuyển tiếp (ĐC KH2024) (Công trình đang thi công)	Quyết định 215/QĐ-PCLS ngày 15/3/2024 phê duyệt phương án đầu tư công trình.
41	Cấy TBA CQT giảm bán kính, giảm tổn thất điện năng khu vực các huyện Chi Lăng, Hữu Lũng, Cao Lộc, Thành Phố Lạng Sơn năm 2025	DNL	0,07	0,07		0,07		0,02	0,01	0,01		0,00	0,00	0,01											0,01	0,005					0,00			0,01	Các xã: Gia Cát, Yên Trạch.	Công trình dạng tuyến	Chuyển tiếp (ĐC KH2024) (Công trình đang thi công)	Quyết định 311/QĐ-PCLS ngày 20/3/2024 phê duyệt phương án đầu tư công trình.
42	Cấy TBA CQT giảm bán kính, giảm tổn thất điện năng khu vực Thành Phố Lạng Sơn năm 2024	DNL	0,01	0,01		0,01	0,00		0,00	0,00		0,01																								xã Thụy Hùng	Công trình dạng tuyến	Chuyển tiếp (ĐC KH2024)	Quyết định 840/QĐ-PCLS ngày 12/9/2023 duyệt Báo cáo KT-KT công trình.
43	Kết nối mạch vòng giảm bán kính cấp điện, giảm tổn thất điện năng khu vực các huyện Cao Lộc, Lộc Bình, Tràng Định, Văn Quan năm 2022	DNL	0,05	0,05		0,05	0,01		0,01	0,01		0,01																								Các xã và thị trấn	Công trình dạng tuyến	Chuyển tiếp (Công trình đã thi công)	Đăng ký danh mục ĐTXD Quyết định số 2122/QĐ-EVNNPC ngày 26/08/2021 của Tổng Công ty Điện lực miền Bắc về việc duyệt danh mục và tạm giao KHV công trình ĐTXD năm 2022 cho Công ty Điện lực Lạng Sơn
	ĐẤT CƠ SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO																																					
44	Mở rộng trường mầm non xã Cao Lâu (trường chính) tại thôn Bản Đon	DGD	0,53	0,53	0,03	0,50	0,10	0,40																												Xã Cao Lâu	Thửa 93, 82, 22, 23, 24, 30, 31, 83, 84, 85 tờ bản đồ 161	Chuyển tiếp	Nghị quyết số 176/NQ-HĐND ngày 30/6/2021 của HĐND huyện Cao Lộc Quyết định số 1636/QĐ-UBND ngày 10/6/2024 của UBND huyện Cao Lộc về Phê duyệt điều chỉnh điều chỉnh chủ trương đầu tư, nguồn vốn và khả năng cân đối vốn
45	Mở rộng trường THCS xã Cao Lâu	DGD	0,20	0,20		0,20				0,16				0,04																						Xã Cao Lâu	Thửa 363,364 tờ bản đồ 162	Chuyển tiếp	Đảm bảo tiêu chí nông thôn mới
46	Mở rộng trường Tiểu học xã Tân Liên	DGD	0,16	0,16		0,16			0,16																											Xã Tân Liên	Thửa 233, 234, 235 tờ bản đồ 31	Chuyển tiếp	Đảm bảo tiêu chí nông thôn mới

STT	Hạng mục công trình, dự án	Mã QH	Tổng diện tích dự án	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm																													Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ	Ghi chú	Văn bản pháp lý
						Tổng diện tích	Trông đó: Sử dụng vào diện tích từng loại đất																															
							LUC	LUK	HNK	CLN	RPH	RSX	NTS	ONT	ODT	TSC	CQP	CAN	DVH	DYT	DGD	DTT	DSK	TMD	SKC	DGT	DTL	DDD	DRA	DNL	TIN	NTD	SON	PNK	CSD				
	ĐẤT CÓ DI TÍCH LỊCH SỬ - VĂN HÓA																																					
47	Khu lưu niệm di tích Khu du kích Ba Sơn	DDD	2,50	2,50	1,80	0,70		0,70																											Xã Xuất Lễ		Chuyển tiếp	Quyết định số 2577/QĐ-UBND ngày 18/12/2018 của UBND tỉnh v/v phê duyệt đồ án quy hoạch tổng thể Khu lưu niệm di tích Khu du kích Ba Sơn và di tích chùa Bắc Nga, huyện Cao Lộc
48	Tôn tạo và phát huy giá trị Di tích Địa điểm Thủy Môn Đình, thị trấn Đồng Đăng, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn	DDD	0,15	0,15		0,15						0,15																							Thị trấn Đồng Đăng	Thửa 136, 13, 143 tờ bản đồ 1LN	Chuyển tiếp, điều chỉnh diện tích	Thông báo số 353/TB-UBND ngày 31/7/2018 của UBND tỉnh Quyết định số 1204/QĐ-UBND ngày 03/8/2023 Điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025 tỉnh Lạng Sơn
	ĐẤT BÃI THẢI, XỬ LÝ CHẤT THẢI																																					
49	Bãi đổ thải thực hiện dự án: Đầu tư xây dựng dự án tuyến cao tốc cửa khẩu Hữu Nghị - Chi Lăng theo hình thức BOT	DRA	20,79	20,79		20,79	1,65	0,98	3,42	0,77		11,60		0,01												1,091								1,26	Xã Hợp Thành, Xã Yên Trạch, TT Đồng Đăng, Xã Thạch Đạn, Xã Hồng Phong, Xã Thụy Hùng, Xã Phú Xá		Chuyển tiếp, điều chỉnh diện tích	Quyết định số 2014/QĐ-UBND ngày 04/12/2023 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Dự án tuyến cao tốc cửa khẩu Hữu Nghị - Chi Lăng theo hình thức BOT; Quyết định số 427/QĐ-UBND ngày 06/3/2024 của UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh dự án; Công văn số 368/2024/CV-BQLDA ngày 08/7/2024 của BQL dự án cao tốc Hữu Nghị - Chi Lăng
	ĐẤT XÂY DỰNG CƠ SỞ KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN																																					
50	Nhà công vụ trạm khí tượng	DKT	0,05	0,05		0,05						0,05																							Xã Công Sơn		Chuyển tiếp (ĐCKH 2024)	
	ĐẤT XÂY DỰNG TRỤ SỞ CỦA TỔ CHỨC SỰ NGHIỆP																																					
51	Trụ sở mới Trạm Kiểm dịch động vật, Trạm kiểm dịch y tế và Trạm cấp nước	DSK	0,40	0,40		0,40				0,06		0,28		0,06																					TT Đồng Đăng	Thửa 1, 20 tờ bản đồ LN 1	Chuyển tiếp	Thông báo số 517/TB-UBND ngày 21/9/2022 của UBND tỉnh
52	Nhà công vụ VOV	DSK	0,05	0,05		0,05						0,05																							Xã Công Sơn		Chuyển tiếp	
	ĐẤT KHU DÂN CƯ, KHU ĐÔ THỊ																																					
53	Khu dân cư tại xã Hoàng Đồng, thành phố Lạng Sơn và xã Hợp Thành, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn	KDC	2,06	2,06	0,34	1,71		0,05	0,17	0,09				0,03												0,17								1,20	Xã Hợp Thành		Chuyển tiếp	Quyết định số 196/QĐ-UBND ngày 31/01/2020 của UBND tỉnh Lạng Sơn;
54	Khu dân cư Hợp Thành, huyện Cao Lộc	KDC	28,40	28,40		28,40	0,21	16,45	4,29	0,07		1,85		1,05											1,78	1,48					0,01	1,03		0,19	Xã Hợp Thành, TT Cao Lộc		Chuyển tiếp	Quyết định số 1291/QĐ-UBND ngày 14/7/2017 của UBND tỉnh Lạng Sơn Công văn số 472/TTg-NN ngày 29/5/2023 của Thủ tướng Chính phủ V/v chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn; Quyết định số 73/QĐ-BNLS ngày 08/11/2019 của Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Đầu tư Bác Nguyên Lạng Sơn về phê duyệt dự án Xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu dân cư Hợp Thành
55	Khu tái định cư dự án Khu trung chuyển hành hóa thuộc khu kinh tế cửa khẩu Đồng Đăng - Lạng Sơn	KDC	16,35	5,60		5,60		0,03	1,14		2,17		0,12	0,82										1,13		0,18								0,02	Xã Phú Xá	Tờ 4, 7, 8	Chuyển tiếp	Quyết định số 2213/QĐ-UBND của UBND huyện Cao Lộc ngày 18/7/2022
56	Khu dân cư cụm công nghiệp Hợp Thành, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn	KDC	6,35	6,35		6,35	0,93		1,56	2,06					0,61				0,01		0,12					0,17				0,02		0,04	0,74		0,08	TT Cao Lộc	Tờ 30, 31, 39, 40	Chuyển tiếp	Quyết định số 3116/QĐ-UBND ngày 18/9/2020 của UBND huyện về phê duyệt đồ án điều chỉnh QHCT xây dựng

STT	Hạng mục công trình, dự án	Mã QH	Tổng diện tích dự án	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm																													Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ	Ghi chú	Văn bản pháp lý
						Tổng diện tích	Trông đó: Sử dụng vào diện tích từng loại đất																															
							LUC	LUK	HNK	CLN	RPH	RSX	NTS	ONT	ODT	TSC	CQP	CAN	DVH	DYT	DGD	DTT	DSK	TMD	SKC	DGT	DTL	DDD	DRA	DNL	TIN	NTD	SON	PNK	CSD				
57	Khu tái định cư và khu dân cư Khu chế xuất 1	KDC	4,90	4,90		4,90		1,47	2,07	0,36		0,28	0,01	0,12																			0,61			Xã Hồng Phong		Chuyển tiếp	Thông báo số 438/TB-UBND ngày 19/9/2018 của UBND tỉnh Lạng Sơn Quyết định số 623/QĐ-UBND ngày 16/3/2021 của UBND huyện Cao Lộc về phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng dự án
58	Khu đô thị Green Garden tại xã Mai Pha, thành phố Lạng Sơn và xã Yên Trạch huyện Cao Lộc	KDC	12,01	12,01		12,01	0,43	0,21	2,17	0,58		7,23		0,29				0,03								0,42							0,51		0,13	Xã Yên Trạch	Tờ 12, tờ 11, tờ 2LN	Chuyển tiếp, điều chỉnh diện tích	Quyết định 1646/QĐ-UBND ngày 17/10/2022 Về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết khu đô thị Green Garden tại xã Mai Pha, thành phố Lạng Sơn và xã Yên trạch, huyện Cao Lộc, tỷ lệ 1/500 Quyết định số 1212/QĐ-UBND ngày 03/08/2023 của UBND tỉnh về chấp thuận chủ trương đầu tư; Quyết định số 743/QĐ-UBND ngày 21/04/2024 của UBND tỉnh về chấp thuận nhà đầu tư
59	Khu tái định cư phục vụ Dự án tuyến cao tốc cửa khẩu Hữu Nghị - Chi Lăng theo hình thức BOT	KDC	14,82	14,82		14,82	2,15	0,6818	2,68	1,09		7,50	0,01	0,14												0,15							0,36		0,07	Xã Yên Trạch, Xã Hợp Thành, xã Thụy Hùng	Tờ 65, tờ 1LN	Chuyển tiếp, điều chỉnh diện tích	
II	**Các công trình, dự án theo quy định tại Điều 78 và Điều 79 Luật Đất đai thực hiện trong năm kế hoạch mà chưa có các**																																					
	ĐẤT CÔNG TRÌNH NĂNG LƯỢNG																																					
60	Cấy TBA CQT giảm bán kính, giảm tổn thất điện năng khu vực các huyện Lộc Bình, Văn Quan năm 2024	DNL	0,002	0,002		0,002						0,00																								Xã Bình Trung	Công trình dạng tuyến	Bổ sung mới (Công trình đã thi công)	Quyết định 854/QĐ-PCLS ngày 13/9/2024 v/v phê duyệt Báo cáo KT-KT công trình
61	Cấy TBA CQT lưới điện, giảm tổn thất điện năng khu vực huyện Văn Lãng, Cao Lộc, TP Lạng Sơn năm 2022	DNL	0,05	0,05		0,05	0,01		0,01	0,02		0,01																								Các xã, thị trấn	Công trình dạng tuyến	Bổ sung mới (Công trình đã thi công)	Q.định 1201/QĐ-PCLS ngày 29/10/2021 phê duyệt Báo cáo KT-KT Đ.Tư XD công trình
62	Dự án cấp điện nông thôn từ lưới điện quốc gia T. Lạng Sơn GĐ 2015-2020 phân kỳ 2021	DNL	0,07	0,07		0,07	0,02		0,02	0,02		0,01																						0,01	Xã Xuất Lễ	Công trình dạng tuyến	Bổ sung mới (Công trình đã thi công)	Quyết định 11815/QĐ-BCT ngày 30/10/2015 phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án.
63	Đường dây 110kV từ TBA 110kV Lạng Sơn-NĐ Na Dương	DNL	0,53	0,53		0,53	0,18		0,10	0,08		0,07		0,10							0,00				0,00							0,01	0,00		0,08	Thị trấn Cao Lộc, các xã: Gia Cát, Tân Liên, Hợp Thành, Hòa Cư	Công trình dạng tuyến	Bổ sung mới (Công trình đã thi công)	Văn bản 1933/UBND-KT ngày 13/12/2024 của UBND tỉnh Lạng Sơn v/v đẩy nhanh tiến độ triển khai dự án. Quyết định 294/QĐ-PCLS ngày 07/3/2025 phê duyệt phương án ĐTXD
	ĐẤT CƠ SỞ VĂN HÓA																																					
64	Xây dựng Nhà bia ghi tên liệt sĩ xã Thụy Hùng, huyện Cao Lộc	DVH	0,55	0,55		0,55	0,39		0,15																								0,01			Xã Thụy Hùng		Bổ sung mới	Thông báo số 242/TB-UBND ngày 08/5/2024 của UBND tỉnh; Tờ trình số 918/TTr-SĐ ngày 10/03/2024 của Sư đoàn 3, Quân khu 1 ông văn số 883/UBND-KT ngày 03/7/2024 của UBND tỉnh về giao nhiệm vụ làm Chủ đầu tư thực hiện dự án xây dựng Nhà bia ghi tên liệt sĩ xã Thuỵ Hùng, huyện Cao Lộc; Văn bản cam kết hình thức tài trợ, bố trí nguồn vốn số 3382/SĐ-CT ngày 26/8/2024 của Sư đoàn 3, Quân khu 1
	ĐẤT CƠ SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO																																					
65	Nâng cấp, mở rộng Trường THPT Cao Lộc	DGD	1,58	1,58	1,18	0,40		0,31	0,08																								0,01			TT Cao Lộc		Bổ sung mới	Quyết định số 1575/QĐ-UBND ngày 11/9/2024 của UBND tỉnh Lạng Sơn về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án xây dựng công trình Nâng cấp, mở rộng trường THPT Cao Lộc

STT	Hạng mục công trình, dự án	Mã QH	Tổng diện tích dự án	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm																													Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ	Ghi chú	Văn bản pháp lý
						Tổng diện tích	Trông đó: Sử dụng vào diện tích từng loại đất																																
							LUC	LUK	HNK	CLN	RPH	RSX	NTS	ONT	ODT	TSC	CQP	CAN	DVH	DYT	DGD	DTT	DSK	TMD	SKC	DGT	DTL	DDD	DRA	DNL	TIN	NTD	SON	PNK	CSD				
66	Trường mầm non xã Hòa Cư, huyện Cao Lộc	DGD	0,50	0,50		0,50			0,30	0,20																										Xã Hòa Cư	Tờ 74,75	Bổ sung mới	Nghị quyết số 461/NQ-HĐND ngày 20/9/2024 của HĐND huyện Nghị quyết số 461/NQ-HĐND ngày 20/9/2024 của HĐND huyện Cao Lộc Về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình Mục tiêu quốc gia trên địa bàn huyện Cao Lộc giai đoạn 2021-2025 (lần 4)
67	Xây mới điểm trường Mầm non Kéo cặp, trường Mầm non xã Hòa Cư	DGD	0,15	0,15		0,15		0,15																												Xã Hòa Cư	BĐĐC đất nông nghiệp số 29 thuộc thửa đất số: 311	Bổ sung mới	Nghị quyết số 462/NQ-HĐND ngày 20/9/2024 của HĐND huyện Quyết định số 3366/QĐ-UBND ngày 08/11/2024 của UBND huyện Cao Lộc về Phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình: Xây mới điểm trường Kéo Cặp, Trường Mầm non xã Hòa Cư
68	Mở rộng Trường Mầm non Hải Yến	DGD	0,33	0,33	0,21	0,12	0,12																													Xã Hải Yến	Thửa đất số 156 Thuộc tờ bản đồ số 41	Bổ sung mới	Nghị quyết số 460/NQ-HĐND ngày 20/9/2024 của HĐND huyện
69	Xây dựng trường PTDTBT TH&THCS xã Phú Xá	DGD	0,82	0,82	0,32	0,50			0,50																											Xã Phú Xá	Thửa số 20; 23; 24; 26; 30 tờ bản đồ số 26	Bổ sung mới	Nghị quyết số 457/NQ-HĐND ngày 20/9/2024 của HĐND huyện
	ĐẤT XÂY DỰNG CƠ SỞ THỂ DỤC THỂ THAO																																						
70	Sân thể thao trung tâm xã Hòa Cư	DTT	1,20	1,20		1,20						1,20																								Xã Hòa Cư		Bổ sung mới	Nghị quyết số 461/NQ-HĐND ngày 20/9/2024 của HĐND huyện Cao Lộc Về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình Mục tiêu quốc gia trên địa bàn huyện Cao Lộc giai đoạn 2021-2025 (lần 4)
	ĐẤT Ở																																						
71	Khu tái định cư đường ĐH 28	ONT	5,95	5,95		5,95	1,88	0,67734	1,19	1,45				0,02						0,01	0,01					0,10	0,17						0,19	0,001	0,25	Xã Cao Lâu, Xã Hải Yến, xã Hòa Cư		Bổ sung mới	
72	Xây mới, sửa chữa nhà tạm, nhà dột nát trên địa bàn huyện Cao Lộc	ODT	0,05	0,05		0,05			0,05																											TT Đồng Đăng, TT Cao Lộc		Bổ sung mới	
73	Xây mới, sửa chữa nhà tạm, nhà dột nát trên địa bàn huyện Cao Lộc	ONT	0,75	0,75		0,75		0,06	0,11	0,19		0,35																							0,04	Các xã		Bổ sung mới	
74	Tái định cư phân tán của các hộ gia đình cá nhân bị ảnh hưởng bởi cao tốc	ONT	3,39	3,39		3,39	0,51	0,20	1,03	0,40		1,15													0,10											Xã Thụy Hùng, Hồng Phong, Yên Trạch, Hợp Thành		Bổ sung mới	
III	**Các công trình, dự án theo nhu cầu sử dụng đất không thuộc quy định tại mục I, mục II biểu này và không thuộc trường**																																						
	ĐẤT AN NINH																																						
75	Xây dựng Trụ sở làm việc đội Phòng cháy, chữa cháy và cứu hộ cứu nạn Đồng Đăng	CAN	0,95	0,95		0,95				0,11		0,83																				0,01				TT Đồng Đăng		Bổ sung mới	Quyết định số 688/QĐ-UBND ngày 5/4/2017 về việc phê duyệt phương án BT, HT&TĐC dự án đầu tư xây dựng Trụ sở làm việc Đội phòng cháy, chữa cháy và Cứu hộ cứu nạn Đồng Đăng
	ĐẤT CÔNG TRÌNH CẤP, THOÁT NƯỚC																																						
76	Sửa chữa, nâng cấp công trình cấp nước sinh hoạt thôn Khuổi Phiêng, xã Mẫu Sơn, huyện Cao Lộc	DCT	0,00	0,002		0,002				0,002																										Xã Mẫu Sơn	*Tờ BĐĐC số 36, thửa đất số 161*	Bổ sung mới	
	ĐẤT CƠ SỞ VĂN HÓA																																						
77	Mở rộng nhà văn hóa xã	DVH	0,35	0,35	0,10	0,25						0,25																								Xã Hòa Cư		Bổ sung mới	
	ĐẤT CƠ SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO																																						
78	Quy hoạch Tiểu học và Trường trung học cơ sở xã Bảo Lâm	DGD	0,90	0,90		0,90						0,21											0,69													Xã Bảo Lâm	Thửa 251 tờ bản đồ 4LN; Thửa 1, 7, 8, 12, 13, 14, 15, 20 tờ bản đồ 60	Chuyển tiếp	Theo quy hoạch chung xây dựng NTM
	ĐẤT Ở TẠI ĐÔ THỊ																																						

STT	Hạng mục công trình, dự án	Mã QH	Tổng diện tích dự án	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm																													Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ	Ghi chú	Văn bản pháp lý
						Tổng diện tích	Trông đó: Sử dụng vào diện tích từng loại đất																															
							LUC	LUK	HNK	CLN	RPH	RSX	NTS	ONT	ODT	TSC	CQP	CAN	DVH	DYT	DGD	DTT	DSK	TMD	SKC	DGT	DTL	DDD	DRA	DNL	TIN	NTD	SON	PNK	CSD				
79	Giao đất, đấu giá đất ở, công nhận QSDĐ (khu đất của xí nghiệp ô tô cũ)	ODT	0,39	0,39		0,39																			0,39												TT Cao Lộc	Thửa 15 tờ 02	Chuyển tiếp	Theo kết quả rà soát quỹ đất công, tài sản công trên địa bàn huyện
80	Giao đất, đấu giá đất ở, công nhận QSDĐ (khu vườn cây ăn quả Bác Hồ cũ)	ODT	1,35	1,35		1,35			1,20	0,14																						0,00					TT Cao Lộc	Tờ 45, 52	Chuyển tiếp	Theo kết quả rà soát quỹ đất công, tài sản công trên địa bàn huyện
81	Giao đất, đấu giá đất ở, công nhận QSDĐ Khu tập thể Công ty giống cây trồng	ODT	0,04	0,04		0,04																			0,04												TT Cao Lộc		Chuyển tiếp	Tập thể Công ty giống cây trồng
82	Giao đất, đấu giá đất ở Khu đất Hạt kiểm lâm (Khu nhà trụ sở tiếp dân và cấp chứng minh thư nhân dân)	ODT	0,02	0,02		0,02																	0,02														TT Cao Lộc	Thửa 268, 82 tờ bản đồ 39	Chuyển tiếp	Theo kết quả rà soát quỹ đất công, tài sản công trên địa bàn huyện
83	Quỹ đất công, các thửa đất nhỏ hẹp	ODT	0,10	0,10		0,10													0,01			0,01				0,05	0,01									0,02	TT Cao Lộc, TT Đồng Đăng		Chuyển tiếp	
84	Chuyển mục đích đất ở cho hộ gia đình cá nhân	ODT	1,98	1,98		1,98	0,40	0,30	0,70	0,20		0,21	0,17																								TT Cao Lộc, TT Đồng Đăng		Chuyển tiếp	Xã đăng ký nhu cầu
	ĐẤT Ở TẠI NÔNG THÔN																																							
85	Giao đất, đấu giá đất ở, công nhận QSDĐ (thu hồi đất của Thửa đất Nhà xuất khẩu)	ONT	0,02	0,02		0,02																			0,02												Xã Bình Trung	Thửa 217 tờ bản đồ 28	Chuyển tiếp	Nhà xuất khẩu cũ
86	Giao đất tái định dự án Kho bãi tạm giữ phương tiện vi phạm trật tự an toàn giao thông - Công an tỉnh Lạng Sơn	ONT	0,03	0,03		0,03												0,03																			Xã Yên Trạch	Thửa 237 tờ bản đồ 36	Chuyển tiếp	Xã đăng ký nhu cầu
87	Đấu giá đất ở	ONT	0,07	0,07		0,07																				0,07											Xã Hợp Thành		Chuyển tiếp	Xã đăng ký nhu cầu
88	Chuyển mục đích đất ở cho hộ gia đình cá nhân	ONT	4,63	4,63		4,63	0,36	0,30	1,13	0,84		1,51	0,29											0,10	0,10												Các xã		Chuyển tiếp (cân đối với chỉ tiêu phân bổ)	Xã đăng ký nhu cầu
			0,50	*0,50*		*0,50*	*0,04*	*0,02*	*0,15*	*0,10*		*0,15*	*0,01*											*0,02*	*0,01*												*Xã Gia Cát*			
			0,52	*0,52*		*0,52*	*0,02*	*0,01*	*0,15*	*0,10*		*0,20*	*0,01*											*0,02*	*0,01*												*Xã Hợp Thành*			
			0,40	*0,40*		*0,40*	*0,02*	*0,01*	*0,15*	*0,10*		*0,10*	*0,01*												*0,01*												*Xã Yên Trạch*			
			0,47	*0,47*		*0,47*	*0,02*	*0,01*	*0,15*	*0,10*		*0,15*	*0,01*											*0,02*	*0,01*												*Xã Hồng Phong*			
			0,48	*0,48*		*0,48*		*0,04*	*0,15*	*0,10*		*0,15*	*0,01*											*0,02*	*0,01*												*Xã Phú Xá*			
			0,51	*0,51*		*0,51*	*0,06*	*0,07*	*0,07*	*0,05*		*0,20*	*0,03*											*0,02*	*0,01*												*Xã Thụy Hùng*			
			0,39	*0,39*		*0,39*	*0,02*	*0,03*	*0,03*	*0,10*		*0,10*	*0,10*												*0,01*												*Xã Bảo Lâm*			
			0,13	*0,13*		*0,13*	*0,02*	*0,01*	*0,03*	*0,02*		*0,05*	*0,01*																								*Xã Thạch Đạn*			
			0,14	*0,14*		*0,14*	*0,02*	*0,01*	*0,03*	*0,02*		*0,05*	*0,01*												*0,01*												*Xã Tân Liên*			
			0,13	*0,13*		*0,13*	*0,02*	*0,01*	*0,03*	*0,02*		*0,05*	*0,01*																								*Xã Tân Thành*			
			0,13	*0,13*		*0,13*	*0,02*	*0,01*	*0,03*	*0,02*		*0,05*	*0,01*																								*Xã Xuân Long*			
			0,14	*0,14*		*0,14*	*0,02*	*0,01*	*0,03*	*0,02*		*0,05*	*0,01*												*0,01*												*Xã Bình Trung*			
			0,13	*0,13*		*0,13*	*0,02*	*0,01*	*0,03*	*0,02*		*0,03*	*0,01*											*0,02*													*Xã Thanh Lòa*			
			0,14	*0,14*		*0,14*	*0,02*	*0,01*	*0,03*	*0,02*		*0,05*	*0,01*												*0,01*												*Xã Cao Lâu*			
			0,16	*0,16*		*0,16*	*0,02*	*0,01*	*0,04*	*0,02*		*0,05*	*0,01*												*0,01*												*Xã Hòa Cư*			
			0,14	*0,14*		*0,14*	*0,02*	*0,01*	*0,03*	*0,02*		*0,05*	*0,01*																								*Xã Hải Yến*			
			0,09	*0,09*		*0,09*		*0,01*	*0,01*	*0,02*		*0,03*	*0,01*												*0,01*												*Xã Xuất Lễ*			
			0,06	*0,06*		*0,06*		*0,01*	*0,01*	*0,02*		*0,01*	*0,01*																								*Xã Lộc Yên*			
			0,09	*0,09*		*0,09*	*0,01*	*0,01*	*0,01*	*0,02*		*0,03*	*0,01*																								*Xã Mẫu Sơn*			
			0,05	*0,05*		*0,05*		*0,01*	*0,01*	*0,02*		*0,01*																									*Xã Lộc Yên*			
89	Quỹ đất công, các thửa đất nhỏ hẹp	ONT	1,02	1,02		1,02										0,10			0,20	0,10	0,35	0,10				0,02										0,15	Các xã		Bổ sung mới	
	ĐẤT THƯƠNG MẠI, DỊCH VỤ																																							
90	Dự án đầu tư xây dựng trạm dừng nghỉ Đồng Đăng	TMD	1,93	1,93	1,33	0,60			0,60																												Thị trấn Đồng Đăng, xã Phú Xá		Chuyển tiếp	Quyết định số 431/QĐ-UBND ngày 25/3/2016 của UBND tỉnh Lạng Sơn
91	Khu kinh doanh dịch vụ thương mại tổng hợp, kho, bãi tập kết, sang nhượng hàng hoá và các dịch vụ Logistics	TMD	6,99	6,99	3,28	3,71				3,71																											TT Đồng Đăng	Thửa 189 tờ 06	Chuyển tiếp	Quyết định số 1023/QĐ-UBND ngày 03/6/2020 của UBND tỉnh Lạng Sơn về điều chỉnh chủ trương ĐTDA Quyết định số 2448/QĐ-UBND ngày 16/12/2021 của UBND tỉnh Lạng Sơn
92	Dự án Trạm bảo dưỡng, sửa chữa xe ô tô của Công ty cổ phần vận tải quốc tế KA	TMD	2,60	2,60	1,07	1,53						1,53																									TT Đồng Đăng	Thửa 86, 85, 105, 106 tờ LN 1	Chuyển tiếp	Quyết định số 673/QĐ-UBND ngày 10/4/2019 của UBND tỉnh Lạng Sơn về chủ trương ĐTDA

STT	Hạng mục công trình, dự án	Mã QH	Tổng diện tích dự án	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm																													Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ	Ghi chú	Văn bản pháp lý
						Tổng diện tích	Trông đó: Sử dụng vào diện tích từng loại đất																															
							LUC	LUK	HNK	CLN	RPH	RSX	NTS	ONT	ODT	TSC	CQP	CAN	DVH	DYT	DGD	DTT	DSK	TMD	SKC	DGT	DTL	DDD	DRA	DNL	TIN	NTD	SON	PNK	CSD				
93	Dự án Khu giới thiệu sản phẩm và kinh doanh thương mại tổng hợp Hữu Nghị của Công ty Cổ phần Đầu tư thương mại Phú Gia Hà Nội	TMD	0,30	0,30	0,18	0,12						0,12																								TT Đồng Đăng	Thửa 70 tờ LN 1	Chuyển tiếp	Văn bản số 1286/UBND-KTTH ngày 07/12/2015 của UBND tỉnh Lạng Sơn
94	Sản xuất nông nghiệp sạch kết hợp giáo dục trải nghiệm và dụ lịch sinh thái	TMD, NKH	5,85	5,85		5,85		0,27	0,14			5,42														0,01										Xã Yên Trạch		Chuyển tiếp (ĐC KH2024)	Thông báo số 171/TB-SKHĐT ngày 18/5/2023 của Sở Kế hoạch và Đầu tư về kết quả thẩm định hồ sơ đề xuất dự án
95	Chuyển mục đích sử dụng đất từ đất nông nghiệp sang đất thương mại, dịch vụ cho hộ gia đình cá nhân	TMD	5,59	5,59		5,59	0,38					5,21																								Các xã, thị trấn		Chuyển tiếp	
			2,00	*2,00*		*2,00*						*2,00*																								*Xã Phú Xá*			
			1,09	*1,09*		*1,09*	*0,38*					*0,71*																								*Xã Gia Cát*			
			2,50	*2,50*		*2,50*						*2,50*																								*Xã Hồng Phong*			
	ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP																																					
96	Hợp tác xã nông nghiệp hữu cơ xã	SKC	0,50	0,50		0,50	0,50																													Xã Xuất Lễ		Chuyển tiếp	Tờ trình 224/TTr-UBND ngày 14 tháng 6 năm 2021
97	Chuyển mục đích của hộ gia đình cá nhân sang đất sản xuất kinh doanh	SKC	4,14	4,14		4,14		0,04				4,10																								Các xã		Chuyển tiếp	Xã đăng ký nhu cầu
			2,50	*2,50*		*2,50*						*2,50*																								*Xã Phú Xá*			
			0,32	*0,32*		*0,32*						*0,32*																								*Xã Thụy Hùng*			
			0,75	*0,75*		*0,75*						*0,75*																								*Xã Gia Cát*			
			0,57	*0,57*		*0,57*		*0,04*				*0,53*																								*Xã Yên Trạch*			
	ĐẤT NÔNG NGHIỆP KHÁC																																					
98	Hợp tác xã Phát Huy	NKH	0,74	0,74		0,74	0,41	0,16	0,13				0,03													0,005										Xã Thạch Đạn	Thửa 43, 44, 64, 65, 66, 81, 82, 100, 101, 102, 103, 104, 105, 106,107, 108, 123, 125, 126, 138, 139, 140, 141, 142, 143, Tờ bản đồ số 111	Bổ sung mới	
99	Chuyển mục đích sang đất nông nghiệp khác	NKH	44,21	44,21		44,21			11,60	0,25		32,36																								Xã Gia Cát, Yến Trạch, Hợp Thành, Xuân Long, Bình Trung		Chuyển tiếp	Xã đăng ký nhu cầu
	CÁC CÔNG TRÌNH CẤP GIẤT CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT																																					
1	Nhà công vụ cửa khẩu Hữu Nghị	TSC		0,85		0,85										0,85																				TT Đồng Đăng		Cấp giấy chứng nhận	Quyết định số 1433/QĐ-UBND ngày 19/9/2023
2	Tôn tạo và phát huy giá trị Di tích Địa điểm Thủy Môn Đình, thị trấn Đồng Đăng, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn	DDD		0,44		0,44																						0,44								TT Đồng Đăng	tờ 19 thửa 122	Cấp giấy chứng nhận	
3	Nhà Văn hóa xã Tân Liên	DVH		0,23		0,23													0,23																	Xã Tân Liên	Thửa 241, 242, 243, 244, 245, 246, 266, 286, 285, 245 Tờ 30	Cấp giấy chứng nhận	
4	NVH thôn An Rinh II	DVH		0,04		0,04													0,04																	Xã Tân Liên	Thửa 535 Tờ 32	Cấp giấy chứng nhận	
5	NVH Thôn Tắm Nguyên (cũ)	DVH		0,01		0,01													0,01																	Xã Tân Liên	Thửa 572 Tờ 39	Cấp giấy chứng nhận	
6	NVH Thôn Tam Độ	DVH		0,03		0,03													0,03																	Xã Tân Liên	Thửa 291 Tờ 73	Cấp giấy chứng nhận	
7	NVH Thôn An Rinh I	DVH		0,10		0,10													0,10																	Xã Tân Liên	Thửa 534 Tờ 32	Cấp giấy chứng nhận	
8	NVH Thôn Pò Lẹng (mới)	DVH		0,02		0,02													0,02																	Xã Tân Liên	Thửa 663 Tờ 24	Cấp giấy chứng nhận	
9	NVH Thôn Pò Lẹng (cũ)	DVH		0,02		0,02													0,02																	Xã Tân Liên	Thửa 410 Tờ 29	Cấp giấy chứng nhận	
10	NVH Thôn Nà Hán	DVH		0,02		0,02													0,02																	Xã Tân Liên	Thửa 501 Tờ 12	Cấp giấy chứng nhận	

STT	Hạng mục công trình, dự án	Mã QH	Tổng diện tích dự án	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm																												Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ	Ghi chú	Văn bản pháp lý
						Tổng diện tích	Trông đó: Sử dụng vào diện tích từng loại đất																														
							LUC	LUK	HNK	CLN	RPH	RSX	NTS	ONT	ODT	TSC	CQP	CAN	DVH	DYT	DGD	DTT	DSK	TMD	SKC	DGT	DTL	DDD	DRA	DNL	TIN	NTD	SON	PNK	CSD				
11	NVH thôn Nà Pinh	DVH		0,03		0,03													0,03																	Xã Tân Liên	Thửa 281 Tờ 4	Cấp giấy chứng nhận	
12	NVH Thôn Tằm Nguyên I (mới)	DVH		0,03		0,03													0,03																	Xã Tân Liên	Thửa 221 Tờ 60	Cấp giấy chứng nhận	
13	Sân vận động phố Ngầu-An Rinh II	DTT		0,17		0,17																0,17														Xã Tân Liên	Thửa 536 Tờ 32	Cấp giấy chứng nhận	
14	Sân vận động Trung tâm xã Tân Liên	DTT		0,50		0,50																0,50														Xã Tân Liên	Thửa 528 Tờ 38	Cấp giấy chứng nhận	
15	Sân Thể thao thôn Tằm Nguyên	DTT		0,21		0,21																0,21														Xã Tân Liên	Thửa 231 Tờ 50	Cấp giấy chứng nhận	
16	Sân thể thao thôn Nà Hán	DTT		0,06		0,06																0,06														Xã Tân Liên	Thửa 502 Tờ 12	Cấp giấy chứng nhận	
17	Sân thể thao thôn Nà Pinh	DTT		0,04		0,04																0,04														Xã Tân Liên	Thửa 145, 146, 158 Tờ 4	Cấp giấy chứng nhận	
18	Sân thể thao thôn Tam Độ - 2	DTT		0,03		0,03																0,03														Xã Tân Liên	Thửa 36, 45, 46 Tờ 73	Cấp giấy chứng nhận	
19	Sân thể thao thôn Tam Độ - 1	DTT		0,04		0,04																0,04														Xã Tân Liên	Thửa 43 Tờ 56	Cấp giấy chứng nhận	
20	Sân thể thao thôn Pò Lẹng	DTT		0,02		0,02																0,02														Xã Tân Liên	Thửa 574, 598, 599, 600 Tờ 24	Cấp giấy chứng nhận	
21	Trường mầm non xã	DGD		0,44		0,44															0,44															Xã Tân Liên	Thửa Trích đo Tờ 30,31	Cấp giấy chứng nhận	
22	NVH thôn Phú Thượng - xóm Còn Kẹn	DVH		0,03		0,03													0,03																	Xã Phú Xá	Thửa 320 Tờ 41	Cấp giấy chứng nhận	
23	NVH xóm Còn Chủ - thôn Phú Thịnh	DVH		0,08		0,08													0,08																	Xã Phú Xá	Thửa 548 Tờ 32	Cấp giấy chứng nhận	
24	NVH thôn Phú Sơn - Xóm Còn Bó	DVH		0,01		0,01													0,01																	Xã Phú Xá	Thửa 452 Tờ 17	Cấp giấy chứng nhận	
25	Nhà văn hóa thôn Co Loi	DVH		0,02		0,02													0,02																	Xã Mẫu Sơn	Thửa 185 Tờ 8	Cấp giấy chứng nhận	
26	NVH thôn Khuổi Phiêng	DVH		0,03		0,03													0,03																	Xã Mẫu Sơn	Thửa 30 Tờ 35	Cấp giấy chứng nhận	
27	Nhà văn hóa thôn Bản Đon	DVH		0,04		0,04													0,04																	Xã Cao Lâu	Thửa 479 Tờ 145	Cấp giấy chứng nhận	
28	Nhà văn hóa thôn Bản Rằn	DVH		0,03		0,03													0,03																	Xã Cao Lâu	Thửa 329 Tờ 157	Cấp giấy chứng nhận	
29	Nhà văn hóa (Co Sâu) thôn Bản Vàng	DVH		0,07		0,07													0,07																	Xã Cao Lâu	Thửa 146 Tờ 96	Cấp giấy chứng nhận	
30	Sân TT co sâu thôn Bản Vàng	DTT		0,12		0,12																0,12														Xã Cao Lâu	Thửa 128 Tờ 96	Cấp giấy chứng nhận	
31	Nhà văn hóa thôn Nà Va	DVH		0,03		0,03													0,03																	Xã Cao Lâu	Thửa 357 Tờ 29	Cấp giấy chứng nhận	
32	Sân TT Nà Va thôn Nà Va	DTT		0,27		0,27																0,27														Xã Cao Lâu	Thửa 216 Tờ 11	Cấp giấy chứng nhận	
33	Nhà văn hóa thôn Pò nhùng	DVH		0,03		0,03													0,03																	Xã Cao Lâu	Thửa 122 Tờ 10	Cấp giấy chứng nhận	
34	Nhà văn hóa thôn Pò Phẩy	DVH		0,05		0,05													0,05																	Xã Cao Lâu	Thửa 339 Tờ 53	Cấp giấy chứng nhận	
35	Nhà văn hóa thôn Pá Cuồng	DVH		0,06		0,06													0,06																	Xã Cao Lâu	Thửa 196 Tờ 133	Cấp giấy chứng nhận	
36	Nhà văn hóa thôn Còn Nàn	DVH		0,02		0,02													0,02																	Xã Cao Lâu	Thửa 704 Tờ 180	Cấp giấy chứng nhận	
37	Sân TT Còn Nàn thôn Còn Nàn	DTT		0,07		0,07																0,07														Xã Cao Lâu	Thửa 18 Tờ 07LN	Cấp giấy chứng nhận	
38	Nhà văn hóa thôn Nà Thâm	DVH		0,02		0,02													0,02																	Xã Cao Lâu	Thửa 256 Tờ 66	Cấp giấy chứng nhận	
39	Sân TT Nà Thâm thôn Nà Thâm	DTT		0,04		0,04																0,04														Xã Cao Lâu	Thửa 257 Tờ 66	Cấp giấy chứng nhận	
40	Nhà văn hóa thôn Sông Danh	DVH		0,02		0,02													0,02																	Xã Cao Lâu	Thửa 256 Tờ 02LN	Cấp giấy chứng nhận	
41	Sân TT Sông Danh thôn Sông Danh	DTT		0,02		0,02																0,02														Xã Cao Lâu	Thửa 257 Tờ 02LN	Cấp giấy chứng nhận	
42	Đồn Bản Xâm thôn Bản Xâm	CQP		0,01		0,01											0,01																			Xã Cao Lâu	Thửa 584 Tờ 142	Cấp giấy chứng nhận	
43	Nhà Văn hóa xã thôn Bản Héc	DVH		0,16		0,16													0,16																	Xã Lộc Yên	Thửa 335 Tờ 54	Cấp giấy chứng nhận	
44	Nhà Văn hóa thôn Bản Giếng	DVH		0,00		0,00													0,00																	Xã Lộc Yên	Thửa 348 Tờ 29	Cấp giấy chứng nhận	
45	Nhà Văn hóa thôn Bản Héc	DVH		0,02		0,02													0,02																	Xã Lộc Yên	Thửa 345 Tờ 69	Cấp giấy chứng nhận	
46	Nhà Văn hóa thôn Bản Héc (Xóm Pàn Lại)	DVH		0,01		0,01													0,01																	Xã Lộc Yên	Thửa 262 Tờ 40	Cấp giấy chứng nhận	
47	Nhà Văn hóa thôn Bản Giếng (xóm Nặm Tà)	DVH		0,01		0,01													0,01																	Xã Lộc Yên	Thửa 357 Tờ 58	Cấp giấy chứng nhận	
48	Nhà Văn hóa thôn Bản Don (xóm Lục Ngoãng)	DVH		0,04		0,04													0,04																	Xã Lộc Yên	Thửa 331 Tờ 67	Cấp giấy chứng nhận	

STT	Hạng mục công trình, dự án	Mã QH	Tổng diện tích dự án	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm																												Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ	Ghi chú	Văn bản pháp lý
						Tổng diện tích	Trông đó: Sử dụng vào diện tích từng loại đất																														
							LUC	LUK	HNK	CLN	RPH	RSX	NTS	ONT	ODT	TSC	CQP	CAN	DVH	DYT	DGD	DTT	DSK	TMD	SKC	DGT	DTL	DDD	DRA	DNL	TIN	NTD	SON	PNK	CSD				
49	Nhà Văn hóa thôn Bản Héc (xóm Lục Tát)	DVH		0,02		0,02													0,02																	Xã Lộc Yên	Thửa 54 Tờ 87	Cấp giấy chứng nhận	
50	Sân thể thao thôn Kéo Cặp	DTT		0,09		0,09																0,09														Xã Hòa Cư	Thửa 11 Tờ 4	Cấp giấy chứng nhận	
51	Nhà Văn hóa thôn Bản Lành	DVH		0,03		0,03													0,03																	Xã Hòa Cư	Thửa 702 Tờ 33	Cấp giấy chứng nhận	
52	Sân thể thao	DTT		0,05		0,05																0,05														Xã Hòa Cư	Thửa 233 Tờ 98	Cấp giấy chứng nhận	
53	Nhà VH thôn Tằm Riền	DVH		0,02		0,02													0,02																	Xã Hòa Cư	Thửa 232 Tờ 98	Cấp giấy chứng nhận	
54	Nhà VH thôn Bản Luận	DVH		0,06		0,06													0,06																	Xã Hòa Cư	Thửa 136 Tờ 83	Cấp giấy chứng nhận	
55	NVH thôn Chè Lân	DVH		0,02		0,02													0,02																	Xã Hòa Cư	Thửa 523 Tờ 38	Cấp giấy chứng nhận	
56	Nhà văn hóa thôn Bản Cướm	DVH		0,03		0,03													0,03																	Xã Thạch Đạn	Thửa 318 Tờ 110	Cấp giấy chứng nhận	
57	Nhà văn hóa thôn Nà Sla	DVH		0,03		0,03													0,03																	Xã Thạch Đạn	Thửa 299 Tờ 51	Cấp giấy chứng nhận	
58	Sân thể thao	DTT		0,03		0,03																0,03														Xã Thạch Đạn	Thửa 342 Tờ 85	Cấp giấy chứng nhận	
59	Nhà VH thôn Nà Mon	DVH		0,04		0,04													0,04																	Xã Thạch Đạn	Thửa 341 Tờ 85	Cấp giấy chứng nhận	
60	NVH thôn Bản Đẩy	DVH		0,02		0,02													0,02																	Xã Thạch Đạn	Thửa 453 Tờ 104	Cấp giấy chứng nhận	
61	NVH thôn Nà Làng	DVH		0,02		0,02													0,02																	Xã Thanh Lòa	Thửa 355 Tờ 84	Cấp giấy chứng nhận	
62	NVH thôn Bản Rọi	DVH		0,02		0,02													0,02																	Xã Thanh Lòa	Thửa 649 Tờ 49	Cấp giấy chứng nhận	
63	NVH thôn Co Khuất	DVH		0,06		0,06													0,06																	Xã Thanh Lòa	Thửa 240 Tờ 33	Cấp giấy chứng nhận	
64	NVH thôn Nà Pheo	DVH		0,02		0,02													0,02																	Xã Thanh Lòa	Thửa 98 Tờ 33	Cấp giấy chứng nhận	
65	NVH thôn Bản Lòa	DVH		0,03		0,03													0,03																	Xã Thanh Lòa	Thửa 325 Tờ 41	Cấp giấy chứng nhận	
66	Nhà Văn hóa thôn Long Quế (Xóm Nà Lìn)	DVH		0,01		0,01													0,01																	Xã Xuân Long	Thửa 556 Tờ 9	Cấp giấy chứng nhận	
67	Nhà Văn hóa thôn Long Thượng (xóm Nưa Muồn)	DVH		0,02		0,02													0,02																	Xã Xuân Long	Thửa 594 Tờ 83	Cấp giấy chứng nhận	
68	Nhà Văn hóa thôn Long Giang (xóm Phai Sác)	DVH		0,01		0,01													0,01																	Xã Xuân Long	Thửa 190 Tờ 79	Cấp giấy chứng nhận	
69	Sân thể thao thôn Long Giang	DTT		0,06		0,06																0,06														Xã Xuân Long	Thửa 177 Tờ 78	Cấp giấy chứng nhận	
70	NVH thôn Long Thượng	DVH		0,02		0,02													0,02																	Xã Xuân Long	Thửa 6 Tờ 73	Cấp giấy chứng nhận	
71	NVH thôn Long Sơn	DVH		0,03		0,03													0,03																	Xã Xuân Long	Thửa 106 Tờ 33	Cấp giấy chứng nhận	
72	NVH thôn Long Quế	DVH		0,01		0,01													0,01																	Xã Xuân Long	Thửa 383 Tờ 8	Cấp giấy chứng nhận	
73	NVH thôn Long Giang	DVH		0,13		0,13													0,13																	Xã Xuân Long	Thửa 339 Tờ 78	Cấp giấy chứng nhận	
74	NVH thôn Long Tràng	DVH		0,05		0,05													0,05																	Xã Xuân Long	Thửa 256 Tờ 46	Cấp giấy chứng nhận	
75	NVH Khối 7	DVH		0,01		0,01													0,01																	TT Cao Lộc	Thửa 272 Tờ 39	Cấp giấy chứng nhận	
76	NVH khối 6	DVH		0,06		0,06													0,06																	TT Cao Lộc	Thửa 209 Tờ 40	Cấp giấy chứng nhận	
77	Di tích hang Lạo Pảo	DDD		0,92		0,92																					0,92									Xã Bình Trung	Thửa 366 Tờ 106	Cấp giấy chứng nhận	
78	Nhà Văn hóa thôn Yên Sơn	DVH		0,04		0,04													0,04																	Xã Yên Trạch	Thửa 223 Tờ 141	Cấp giấy chứng nhận	
79	NVH thôn Nà Soong	DVH		0,02		0,02													0,02																	Xã Yên Trạch	Thửa 289 Tờ 37	Cấp giấy chứng nhận	
80	NVH thôn Kéo Khoác	DVH		0,03		0,03													0,03																	Xã Yên Trạch	Thửa 570 Tờ 10	Cấp giấy chứng nhận	
81	NVH thôn Nà Thà	DVH		0,03		0,03													0,03																	Xã Yên Trạch	Thửa 259 Tờ 78	Cấp giấy chứng nhận	
82	NVH thôn Yên Sơn	DVH		0,04		0,04													0,04																	Xã Yên Trạch	Thửa 1427 Tờ 113	Cấp giấy chứng nhận	
83	NVH thôn Nà Háo	DVH		0,04		0,04													0,04																	Xã Yên Trạch	Thửa 285 Tờ 67	Cấp giấy chứng nhận	
84	NVH thôn Yên Thượng	DVH		0,03		0,03													0,03																	Xã Yên Trạch	Thửa 249 Tờ 140	Cấp giấy chứng nhận	
85	NVH thôn Yên Thủy I	DVH		0,04		0,04													0,04																	Xã Yên Trạch	Thửa 523 Tờ 54	Cấp giấy chứng nhận	
86	NVH thôn Yên Thủy II	DVH		0,04		0,04													0,04																	Xã Yên Trạch	Thửa 414 Tờ 86	Cấp giấy chứng nhận	

STT	Hạng mục công trình, dự án	Mã QH	Tổng diện tích dự án	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm																												Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ	Ghi chú	Văn bản pháp lý
						Tổng diện tích	Trông đó: Sử dụng vào diện tích từng loại đất																														
							LUC	LUK	HNK	CLN	RPH	RSX	NTS	ONT	ODT	TSC	CQP	CAN	DVH	DYT	DGD	DTT	DSK	TMD	SKC	DGT	DTL	DDD	DRA	DNL	TIN	NTD	SON	PNK	CSD				
87	NVH thôn Yên Hạ 1	DVH		0,03		0,03													0,03																	Xã Yên Trạch	Thửa 205 Tờ 4	Cấp giấy chứng nhận	
88	NVH thôn Yên Hạ 2	DVH		0,08		0,08													0,08																	Xã Yên Trạch	Thửa 329 Tờ 29	Cấp giấy chứng nhận	
89	NVH thôn Yên Thành	DVH		0,08		0,08													0,08																	Xã Yên Trạch	Thửa 566 Tờ 11	Cấp giấy chứng nhận	
90	NVH xã Yên Trạch	DVH		0,09		0,09													0,09																	Xã Yên Trạch	Thửa 537 Tờ 24	Cấp giấy chứng nhận	
91	Trụ sở UBND xã Yên Trạch	TSC		0,20		0,20										0,20																				Xã Yên Trạch	Tờ 24	Cấp giấy chứng nhận	
92	NVH thôn Bắc Nga	DVH		0,07		0,07													0,07																	Xã Gia Cát	Thửa 650 Tờ 103	Cấp giấy chứng nhận	
93	NVH thôn Bắc Đông I	DVH		0,03		0,03													0,03																	Xã Gia Cát	Thửa 214 Tờ 102	Cấp giấy chứng nhận	
94	NVH thôn Hợp Tân	DVH		0,02		0,02													0,02																	Xã Gia Cát	Thửa 292 Tờ 74	Cấp giấy chứng nhận	
95	NVH thôn Pò Cại	DVH		0,02		0,02													0,02																	Xã Gia Cát	Thửa 392 Tờ 32	Cấp giấy chứng nhận	
96	NVH thôn Sa Cao	DVH		0,02		0,02													0,02																	Xã Gia Cát	Thửa 329 Tờ 32	Cấp giấy chứng nhận	
97	NVH thôn Nà Bó	DVH		0,04		0,04													0,04																	Xã Gia Cát	Thửa 182 Tờ 81	Cấp giấy chứng nhận	
98	NVH thôn Bắc Đông II	DVH		0,03		0,03													0,03																	Xã Gia Cát	Thửa 557 Tờ 88	Cấp giấy chứng nhận	
99	NVH thôn Sơn Hồng	DVH		0,04		0,04													0,04																	Xã Gia Cát	Thửa 313 Tờ 58	Cấp giấy chứng nhận	
100	NVH thôn Liên Hòa	DVH		0,03		0,03													0,03																	Xã Gia Cát	Thửa 169 Tờ 97	Cấp giấy chứng nhận	
101	NVH xã Gia Cát	DVH		0,11		0,11													0,11																	Xã Gia Cát	Thửa 588,0 Tờ 96,0	Cấp giấy chứng nhận	
102	Sân thể thao Pò Cại	DTT		0,02		0,02																0,02														Xã Gia Cát	Thửa 339 Tờ 32	Cấp giấy chứng nhận	
103	Di tích Lô Cốt	DDD		0,01		0,01																						0,01								Xã Gia Cát	Thửa 156; 158 Tờ 102	Cấp giấy chứng nhận	
104	Chùa Bắc Nga	DDD		1,56		1,56																						1,56								Xã Gia Cát	Thửa 144 Tờ 104	Cấp giấy chứng nhận	
105	NVH thôn Tân Tiến 2	DVH		0,01		0,01													0,01																	Xã Tân Thành	Thửa 145 Tờ 66	Cấp giấy chứng nhận	
106	NVH thôn Tân Tiến 1	DVH		0,01		0,01													0,01																	Xã Tân Thành	Thửa 190 Tờ 42	Cấp giấy chứng nhận	
107	NVH thôn Bản Cấm	DVH		0,01		0,01													0,01																	Xã Tân Thành	Thửa 306 Tờ 66	Cấp giấy chứng nhận	
108	NVH thôn Tồng Han	DVH		0,03		0,03													0,03																	Xã Tân Thành	Thửa 205 Tờ 112	Cấp giấy chứng nhận	
109	NVH thôn Sải Hồ	DVH		0,02		0,02													0,02																	Xã Tân Thành	Thửa 278 Tờ 145	Cấp giấy chứng nhận	
110	NVH thôn Sơn Chủ 2	DVH		0,01		0,01													0,01																	Xã Tân Thành	Thửa 239 Tờ 28	Cấp giấy chứng nhận	
111	NVH thôn Sơn Chủ 1	DVH		0,02		0,02													0,02																	Xã Tân Thành	Thửa 143 Tờ 109	Cấp giấy chứng nhận	
112	NVH thôn Nà Múc	DVH		0,02		0,02													0,02																	Xã Tân Thành	Thửa 335 Tờ 69	Cấp giấy chứng nhận	
113	NVH thôn Tầm Danh	DVH		0,03		0,03													0,03																	Xã Tân Thành	Thửa 220 Tờ 68	Cấp giấy chứng nhận	
114	NVH thôn Tình Hồ	DVH		0,01		0,01													0,01																	Xã Tân Thành	Thửa 117 Tờ 142	Cấp giấy chứng nhận	
115	Sân vận động xã Tân Thành (mới)	DTT		0,96		0,96																0,96														Xã Tân Thành	Thửa 21 Tờ 130	Cấp giấy chứng nhận	
116	Nhà Văn hóa thôn Nà Chà- Song Hồng Áng Phong	DVH		0,06		0,06													0,06																	Xã Hồng Phong	Thửa 159 Tờ 23	Cấp giấy chứng nhận	
117	Nhà Văn hóa thôn Pá Pài	DVH		0,02		0,02													0,02																	Xã Hồng Phong	Thửa 301 Tờ 42	Cấp giấy chứng nhận	
118	Nhà Văn hóa thôn Còn Quyền	DVH		0,01		0,01													0,01																	Xã Hồng Phong	Thửa 463 Tờ 33	Cấp giấy chứng nhận	
119	NVH khu Hoàng Văn Thụ	DVH		0,03		0,03													0,03																	Xã Hồng Phong	Thửa 346 Tờ 12	Cấp giấy chứng nhận	
120	NVH thôn Tềnh Chè	DVH		0,05		0,05													0,05																	Xã Hồng Phong	Thửa 210 Tờ 47	Cấp giấy chứng nhận	
121	NVH thôn Còn Làng-Còn Vèn 2	DVH		0,01		0,01													0,01																	Xã Hồng Phong	Thửa 628 Tờ 41	Cấp giấy chứng nhận	
122	NVH thôn Còn Làng-Còn Vèn 1	DVH		0,01		0,01													0,01																	Xã Hồng Phong	Thửa 168 Tờ 40	Cấp giấy chứng nhận	
123	NVH thôn Còn Quyền 1	DVH		0,02		0,02													0,02																	Xã Hồng Phong	Thửa 459 Tờ 33	Cấp giấy chứng nhận	
124	Bếp NVH thôn Còn Quyền	DVH		0,02		0,02													0,02																	Xã Hồng Phong	Thửa 141 Tờ 33	Cấp giấy chứng nhận	

STT	Hạng mục công trình, dự án	Mã QH	Tổng diện tích dự án	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm																												Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ	Ghi chú	Văn bản pháp lý
						Tổng diện tích	Trông đó: Sử dụng vào diện tích từng loại đất																														
							LUC	LUK	HNK	CLN	RPH	RSX	NTS	ONT	ODT	TSC	CQP	CAN	DVH	DYT	DGD	DTT	DSK	TMD	SKC	DGT	DTL	DDD	DRA	DNL	TIN	NTD	SON	PNK	CSD				
125	NVH thôn Nà Chà - Song Áng	DVH		0,04		0,04													0,04																	Xã Hồng Phong	Thửa 484 Tờ 24	Cấp giấy chứng nhận	
126	NVH thôn Nà Lầm	DVH		0,02		0,02													0,02																	Xã Hồng Phong	Thửa 205 Tờ 17	Cấp giấy chứng nhận	
127	NVH thôn Còn Khoang - Pá Pài	DVH		0,03		0,03													0,03																	Xã Hồng Phong	Thửa 389 Tờ 34	Cấp giấy chứng nhận	
128	NVH thôn Pá Phiêng	DVH		0,05		0,05													0,05																	Xã Hồng Phong	Thửa 389 Tờ 11	Cấp giấy chứng nhận	
129	Nhà văn hoá xã Hồng Phong	DVH		0,12		0,12													0,12																	Xã Hồng Phong	Thửa 462 Tờ 33	Cấp giấy chứng nhận	
130	Sân thể thao xã Hồng Phong	DTT		0,63		0,63																0,63														Xã Hồng Phong	Thửa 568 Tờ 81	Cấp giấy chứng nhận	
131	NVH xóm Pá Pài	DVH		0,03		0,03													0,03																	Xã Hồng Phong	Thửa 259 Tờ 42	Cấp giấy chứng nhận	
132	NVH xóm Nà Luộc	DVH		0,02		0,02													0,02																	Xã Hồng Phong	Thửa 304 Tờ 1/10.000	Cấp giấy chứng nhận	
133	Nhà Văn hóa thôn Nhất Tâm	DVH		0,02		0,02													0,02																	Xã Thụy Hùng	Thửa 449 Tờ 75	Cấp giấy chứng nhận	
134	Nhà Văn hóa thôn Nà Pài	DVH		0,03		0,03													0,03																	Xã Thụy Hùng	Thửa 347 Tờ 42	Cấp giấy chứng nhận	
135	Nhà Văn hóa thôn Còn Pheo	DVH		0,04		0,04													0,04																	Xã Thụy Hùng	Thửa 388 Tờ 59	Cấp giấy chứng nhận	
136	NVH thôn Tân Tiến	DVH		0,04		0,04													0,04																	Xã Thụy Hùng	Thửa 258 Tờ 92	Cấp giấy chứng nhận	
137	NVH thôn Nà Lại	DVH		0,03		0,03													0,03																	Xã Thụy Hùng	Thửa 90 Tờ 87	Cấp giấy chứng nhận	
138	NVH thôn Tam Lung	DVH		0,09		0,09													0,09																	Xã Thụy Hùng	Thửa 472 Tờ 53	Cấp giấy chứng nhận	
139	NVH thôn Khuổi Mươi	DVH		0,02		0,02													0,02																	Xã Thụy Hùng	Thửa 383 Tờ 43	Cấp giấy chứng nhận	
140	NVH thôn Pò Tang	DVH		0,02		0,02													0,02																	Xã Hợp Thành	Thửa 330 Tờ 53	Cấp giấy chứng nhận	
141	NVH thôn Nà Ca	DVH		0,02		0,02													0,02																	Xã Hợp Thành	Thửa 236 Tờ 25	Cấp giấy chứng nhận	
142	NVH thôn Nà Nùng	DVH		0,01		0,01													0,01																	Xã Hợp Thành	Thửa 272 Tờ 45	Cấp giấy chứng nhận	
143	NVH thôn Phai Luông	DVH		0,01		0,01													0,01																	Xã Hợp Thành	Thửa 170 Tờ 15	Cấp giấy chứng nhận	
144	NVH Khối 5	DVH		0,02		0,02													0,02																	Xã Hợp Thành	Thửa 462 Tờ 58	Cấp giấy chứng nhận	
145	NVH xã Hợp Thành	DVH		0,14		0,14													0,14																	Xã Hợp Thành	Thửa 305 Tờ 38	Cấp giấy chứng nhận	
146	NVH thôn Nà Tèn (Xóm Pác Bó)	DVH		0,02		0,02													0,02																	Xã Hải Yến	Thửa 604 Tờ 39	Cấp giấy chứng nhận	
147	NVH thôn Nà Tèn	DVH		0,01		0,01													0,01																	Xã Hải Yến	Thửa 729 Tờ 40	Cấp giấy chứng nhận	
148	NVH xóm Bó Khuông, thôn Tổng Riền	DVH		0,03		0,03													0,03																	Xã Hải Yến	Thửa 373 Tờ 30	Cấp giấy chứng nhận	
149	NVH xóm Co Riềng	DVH		0,01		0,01													0,01																	Xã Hải Yến	Thửa 489 Tờ 34	Cấp giấy chứng nhận	
150	NVH xóm Khuổi Phầy, thôn Tổng Riền	DVH		0,01		0,01													0,01																	Xã Hải Yến	Thửa 208 Tờ 6	Cấp giấy chứng nhận	
151	NVH thôn Tổng Riền	DVH		0,02		0,02													0,02																	Xã Hải Yến	Thửa 632 Tờ 42	Cấp giấy chứng nhận	
152	Nhà VH xã Hải Yến	DVH		0,08		0,08													0,08																	Xã Hải Yến	Thửa 707,0 Tờ 27	Cấp giấy chứng nhận	
153	NVH thôn Tẩu Lìn	DVH		0,03		0,03													0,03																	Xã Xuất Lễ	Thửa 645 Tờ 271,8	Cấp giấy chứng nhận	
154	NVH thôn Co Khuông	DVH		0,02		0,02													0,02																	Xã Xuất Lễ	Thửa 438 Tờ 101	Cấp giấy chứng nhận	
155	NVH thôn Nà Rầm	DVH		0,02		0,02													0,02																	Xã Xuất Lễ	Thửa 337 Tờ 65	Cấp giấy chứng nhận	
156	NVH thôn Bản Lề - Bản Ngõa	DVH		0,02		0,02													0,02																	Xã Xuất Lễ	Thửa 453 Tờ 104	Cấp giấy chứng nhận	
157	NVH thôn Co Chí	DVH		0,02		0,02													0,02																	Xã Xuất Lễ	Thửa 521 Tờ 108	Cấp giấy chứng nhận	
158	NVH thôn Thạch Khuyên	DVH		0,03		0,03													0,03																	Xã Xuất Lễ	Thửa 728 Tờ 90	Cấp giấy chứng nhận	
159	NVH thôn Pò Riềng	DVH		0,03		0,03													0,03																	Xã Xuất Lễ	Thửa 562 Tờ 75	Cấp giấy chứng nhận	
160	NVH thôn Pò Mã	DVH		0,03		0,03													0,03																	Xã Xuất Lễ	Thửa 648 Tờ 76	Cấp giấy chứng nhận	
161	NVH thôn Khuổi Tát	DVH		0,02		0,02													0,02																	Xã Xuất Lễ	Thửa 366 Tờ 58	Cấp giấy chứng nhận	
162	NVH thôn Tân Cương	DVH		0,03		0,03													0,03																	Xã Xuất Lễ	Thửa 156.1 Tờ 35	Cấp giấy chứng nhận	

STT	Hạng mục công trình, dự án	Mã QH	Tổng diện tích dự án	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm																												Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ	Ghi chú	Văn bản pháp lý
						Tổng diện tích	Trông đó: Sử dụng vào diện tích từng loại đất																														
							LUC	LUK	HNK	CLN	RPH	RSX	NTS	ONT	ODT	TSC	CQP	CAN	DVH	DYT	DGD	DTT	DSK	TMD	SKC	DGT	DTL	DDD	DRA	DNL	TIN	NTD	SON	PNK	CSD				
163	NVH thôn Nà Xia	DVH		0,02		0,02													0,02																	Xã Xuất Lễ	Thửa 284 Tờ 62	Cấp giấy chứng nhận	
164	NVH thôn Ba Sơn	DVH		0,01		0,01													0,01																	Xã Xuất Lễ	Thửa 807 Tờ 91	Cấp giấy chứng nhận	
165	NVH thôn Bản Ranh	DVH		0,04		0,04													0,04																	Xã Xuất Lễ	Thửa 569 Tờ 81	Cấp giấy chứng nhận	
166	NVH xã Xuất Lễ	DVH		0,09		0,09													0,09																	Xã Xuất Lễ	Thửa 573,0 Tờ 42	Cấp giấy chứng nhận	
167	Sân thể thao xã Xuất Lễ	DTT		0,76		0,76																0,76														Xã Xuất Lễ	Thửa 569 Tờ 81	Cấp giấy chứng nhận	
168	Sân thể thao thôn Cốc Toòng	DTT		0,24		0,24																0,24														Xã Bảo Lâm	Thửa 1291 Tờ 5	Cấp giấy chứng nhận	
169	Sân thể thao thôn Keo Có	DTT		0,02		0,02																0,02														Xã Bảo Lâm	Thửa 393 Tờ 82	Cấp giấy chứng nhận	
170	Nhà văn hóa thôn Còn Kéo (cũ)	DVH		0,01		0,01													0,01																	Xã Bảo Lâm	Thửa 584 Tờ 46	Cấp giấy chứng nhận	
171	Nhà và hóa thôn Còn Kéo	DVH		0,15		0,15													0,15																	Xã Bảo Lâm	Thửa 146 Tờ 47	Cấp giấy chứng nhận	
172	Sân thể thao thôn Còn Kéo	DTT		0,05		0,05																0,05														Xã Bảo Lâm	Thửa 147 Tờ 47	Cấp giấy chứng nhận	
173	Nhà và hóa thôn Còn Kéo	DVH		0,02		0,02													0,02																	Xã Bảo Lâm	Thửa Tờ 25	Cấp giấy chứng nhận	
174	Sân thể thao thôn Còn Kéo	DTT		0,03		0,03																0,03														Xã Bảo Lâm	Thửa Tờ 25	Cấp giấy chứng nhận	
175	Nhà và hóa thôn Nà Pan	DVH		0,03		0,03													0,03																	Xã Bảo Lâm	Thửa 225 Tờ 93	Cấp giấy chứng nhận	
176	sân thể thao thôn Nà Pan	DTT		0,02		0,02																0,02														Xã Bảo Lâm	Thửa 226 Tờ 93	Cấp giấy chứng nhận	
177	Quy hoạch Tiểu học và Trường trung học cơ sở xã Bảo Lâm	DGD		0,90		0,90															0,90															Xã Bảo Lâm	Thửa 251 Tờ 4LN Thửa 1, 7, 8, 12, 13, 14, 15, 20 Tờ 60	Cấp giấy chứng nhận	
178	Nhà văn hóa khu Nam Quan	DVH		0,02		0,02													0,02																	TT Đồng Đăng	Thửa 284 Tờ 18B	Cấp giấy chứng nhận	
179	NVH khu Vườn Sái	DVH		0,01		0,01													0,01																	TT Đồng Đăng	Thửa 273 Tờ 18B	Cấp giấy chứng nhận	
180	NVH khu Lò Rèn	DVH		0,01		0,01													0,01																	TT Đồng Đăng	Thửa 269 Tờ 13D	Cấp giấy chứng nhận	
181	NVH khu Dây Thép	DVH		0,03		0,03													0,03																	TT Đồng Đăng	Thửa 73 Tờ 17B	Cấp giấy chứng nhận	
182	NVH khu Ga	DVH		0,02		0,02													0,02																	TT Đồng Đăng	Thửa 66 Tờ 27	Cấp giấy chứng nhận	

Phụ biểu 01

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN DANH MỤC CÔNG TRÌNH TRONG KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2024
HUYỆN CAO LỘC, TỈNH LẠNG SƠN

STT	Hạng mục công trình, dự án	Mã QH	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp xã)	Văn bản pháp lý	Ghi chú
			Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm			
I	**CÔNG TRÌNH CẤP TỈNH**							
1.1	**Công trình, dự án mục đích quốc phòng, an ninh**							
	ĐẤT QUỐC PHÒNG							
1	Trụ sở mới đồn biên phòng Thanh Lòa	CQP	3,60	3,43	0,17	Xã Thanh Lòa	Công văn đăng ký số 474/BCH-TM ngày 18/11/2021 của BCHQS tỉnh vv tham gia ý kiến thẩm định kế hoạch SDD huyện Cao Lộc năm 2022	Đang thực hiện, điều chỉnh diện tích
2	Xây dựng kho quân khí	CQP	0,18		0,18	Thị trấn Cao Lộc	BC KQKS thực trạng nhà kho quân khí và tình hình dự trữ đạn SSCĐ theo chỉ thị số 15/CT-TM ngày 03/12/2018 của BTTM đối với các huyện biên giới	Bỏ
3	Công trình quốc phòng ĐH2-CĐT1/THLS-2023	CQP	7,50		7,50	Xã Thụy Hùng	Công văn số 1369/BCH-TaH ngày 30/8/2016 của Bộ CHQS tỉnh Lạng Sơn	Đang thực hiện
4	Đất quốc phòng	CQP	0,03		0,03	TT Đồng Đăng		Đã thực hiện
5	Chốt chiến đấu dân quân thường trực biên giới đất liền xã Cao Lâu, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn	CQP	2,50		2,50	Xã Cao Lâu	Quyết định số 263/QĐ-BQP ngày 17/01/2024 về phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình chốt chiến đấu dân quân thường trực biên giới đất liền xã Cao Lâu, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng	Chưa thực hiện, điều chỉnh tên
	ĐẤT AN NINH							
6	Trụ sở Công an xã Yên Trạch	CAN	0,22		0,22	Xã Yên Trạch	CV 1066/BCA-H02 ngày 26/3/2020 của bộ công an v/v quy hoạch bố trí đất an ninh để xây dựng trụ sở công an xã, thị trấn thuộc Bộ công an trên toàn quốc	Chưa thực hiện, điều chỉnh diện tích
7	Trụ sở công an xã Xuân Long	CAN	0,27		0,27	Xã Xuân Long	Quyết định số 827/QĐ-UBND ngày 12/5/2022 UBND tỉnh Lạng Sơn ban hành đề án đảm bảo cơ sở vật chất cho Công an xã chính quy trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn	Giao đất
8	Trụ sở Công an xã Thạch Đạn	CAN	0,18		0,18	Xã Thạch Đạn	Quyết định số 827/QĐ-UBND ngày 12/5/2022 UBND tỉnh Lạng Sơn ban hành đề án đảm bảo cơ sở vật chất cho Công an xã chính quy trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn	Chưa thực hiện
9	Trụ Sở Công an xã Tân Thành	CAN	0,20		0,20	Xã Tân Thành	Quyết định số 827/QĐ-UBND ngày 12/5/2022 UBND tỉnh Lạng Sơn ban hành đề án đảm bảo cơ sở vật chất cho Công an xã chính quy trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn	Chưa thực hiện
10	Trụ sở Công an xã Tân Liên	CAN	0,16		0,16	Xã Tân Liên	Quyết định số 827/QĐ-UBND ngày 12/5/2022 UBND tỉnh Lạng Sơn ban hành đề án đảm bảo cơ sở vật chất cho Công an xã chính quy trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn	Chưa thực hiện
11	Trụ sở Công an xã Phú Xá	CAN	0,20		0,20	Xã Phú Xá	Quyết định số 827/QĐ-UBND ngày 12/5/2022 UBND tỉnh Lạng Sơn ban hành đề án đảm bảo cơ sở vật chất cho Công an xã chính quy trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn	Chưa thực hiện
12	Trụ sở Công an xã Lộc Yên	CAN	0,15		0,15	Xã Lộc Yên	Quyết định số 827/QĐ-UBND ngày 12/5/2022 UBND tỉnh Lạng Sơn ban hành đề án đảm bảo cơ sở vật chất cho Công an xã chính quy trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn	Chưa thực hiện, điều chỉnh loại đất lấy vào

STT	Hạng mục công trình, dự án	Mã QH	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp xã)	Văn bản pháp lý	Ghi chú
			Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm			
13	Trụ sở Công an xã Hợp Thành	CAN	0,16		0,16	Xã Hợp Thành	Quyết định số 827/QĐ-UBND ngày 12/5/2022 UBND tỉnh Lạng Sơn ban hành đề án đảm bảo cơ sở vật chất cho Công an xã chính quy trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn	Bỏ
14	Trụ sở Công an xã Hồng Phong	CAN	0,11		0,11	Xã Hồng Phong	CV 1066/BCA-H02 ngày 26/3/2020 của bộ công an v/v quy hoạch bố trí đất an ninh để xây dựng trụ sở công an xã, thị trấn thuộc Bộ công an trên toàn quốc	Chưa thực hiện, điều chỉnh diện tích
15	Trụ sở Công an xã Hòa Cư	CAN	0,15		0,15	Xã Hòa Cư	Quyết định số 827/QĐ-UBND ngày 12/5/2022 UBND tỉnh Lạng Sơn ban hành đề án đảm bảo cơ sở vật chất cho Công an xã chính quy trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn	Chưa thực hiện
16	Trụ sở Công an xã Hải Yến	CAN	0,14		0,14	Xã Hải Yến	Quyết định số 827/QĐ-UBND ngày 12/5/2022 UBND tỉnh Lạng Sơn ban hành đề án đảm bảo cơ sở vật chất cho Công an xã chính quy trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn	Chưa thực hiện
17	Trụ sở Công an xã Gia Cát	CAN	0,20		0,20	Xã Gia Cát	Quyết định số 827/QĐ-UBND ngày 12/5/2022 UBND tỉnh Lạng Sơn ban hành đề án đảm bảo cơ sở vật chất cho Công an xã chính quy trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn	Chưa thực hiện
18	Trụ sở Công an xã Bình Trung	CAN	0,19		0,19	Xã Bình Trung	Quyết định số 827/QĐ-UBND ngày 12/5/2022 UBND tỉnh Lạng Sơn ban hành đề án đảm bảo cơ sở vật chất cho Công an xã chính quy trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn	Chưa thực hiện, điều chỉnh loại đất lấy vào
19	Trụ sở Công an xã Thụy Hùng	CAN	0,19		0,19	Xã Thụy Hùng	CV 1066/BCA-H02 ngày 26/3/2020 của bộ công an v/v quy hoạch bố trí đất an ninh để xây dựng trụ sở công an xã, thị trấn thuộc Bộ công an trên toàn quốc	Chưa thực hiện, điều chỉnh diện tích
20	Đội Cảnh sát Giao thông Trật Tự	CAN	0,23		0,23	Thị trấn Cao Lộc	Quyết định số 827/QĐ-UBND ngày 12/5/2022 UBND tỉnh Lạng Sơn ban hành đề án đảm bảo cơ sở vật chất cho Công an xã chính quy trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn	Bỏ
21	Trụ sở công an xã Bảo Lâm	CAN	0,20		0,20	Xã Bảo Lâm	Quyết định số 827/QĐ-UBND ngày 12/5/2022 UBND tỉnh Lạng Sơn ban hành đề án đảm bảo cơ sở vật chất cho Công an xã chính quy trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn	Đã thực hiện
22	Trụ sở công an xã Cao Lâu	CAN	0,13		0,13	Xã Cao Lâu	Quyết định số 827/QĐ-UBND ngày 12/5/2022 UBND tỉnh Lạng Sơn ban hành đề án đảm bảo cơ sở vật chất cho Công an xã chính quy trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn	Giao đất
1.2	**CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN ĐỂ PHÁT TRIỂN KINH TẾ XÃ HỘI VÌ LỢI ÍCH QUỐC GIA, CÔNG CỘNG**							
1.2.1	**Công trình, dự án do Thủ tướng Chính phủ quyết định chấp thuận đầu tư mà phải thu hồi đất**							
	ĐẤT CỤM CÔNG NGHIỆP							

STT	Hạng mục công trình, dự án	Mã QH	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp xã)	Văn bản pháp lý	Ghi chú
			Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm			
23	Xây dựng hạ tầng Cụm công nghiệp Hợp Thành 1, Hợp Thành 2 và khu tái định cư Hợp Thành, theo hình thức đối tác công tư (PPP), loại hợp đồng Xây dựng – Chuyển giao (BT)	SKN, KDC	53,20		53,20	TT Cao Lộc, Xã Hợp Thành	Văn bản số 679/SCT-QLNL ngày 28/4/2022 V/v thống nhất chỉ tiêu đất, cập nhật danh mục vào Quy hoạch sử dụng đất đến 2030, KHSDĐ 5 năm (2021-2025) đối với các dự án thuộc lĩnh vực ngành công thương trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn Công văn số 622/TTg-NN ngày 20/7/2022 của Thủ tướng Chính phủ V/v chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn; Quyết định số 593/QĐ-UBND ngày 03/4/2018 của UBND tỉnh; Quyết định số 1118/QĐ-UBND ngày 18/6/2018 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi	Chưa thực hiện
	Cụm công nghiệp Hợp Thành 1, Hợp Thành 2		*49,27*		*49,27*	*TT Cao Lộc, Xã Hợp Thành*		
	Khu tái định cư cụm công nghiệp Hợp Thành, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn		*3,93*		*3,93*	*Xã Hợp Thành*		
	ĐẤT GIAO THÔNG							
24	Cải tạo nâng cấp QL4B (đoạn Km3+700 đến Km18)	DGT	53,07	48,54	4,53	Xã Gia Cát; Hợp Thành	QĐ số 2346/QĐ-UBND ngày 11/11/2020 của UBND tỉnh về việc phê duyệt BC NCKT dự án cải tạo, nâng cấp QL4B; Báo cáo số 873/BC-BQLDA ngày 24/9/2020 của Ban Quản lý dự án ĐTXD tỉnh;	Đang thực hiện
	ĐẤT THƯƠNG MẠI, DỊCH VỤ							
25	Khu trung chuyển hàng hóa thuộc khu kinh tế cửa khẩu Đồng Đăng-Lạng Sơn	TMD	136,96	58,15	78,81	Xã Thụy Hùng; Phú Xá	Quyết định số 357/QĐ-UBND ngày 03/3/2017 của UBND tỉnh Quyết định số 1936/QĐ-UBND ngày 04/10/2018, Chấp thuận chủ trương đầu tư số 260/UBND-KT ngày 09/3/2021, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư lần 03 cấp ngày 26/5/2023	Chưa thực hiện, điều chỉnh diện tích
II	**Các công trình, dự án còn lại**							
2.1	**Các công trình, dự án do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh chấp thuận mà phải thu hồi đất**							
	ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP							
26	Đầu tư hạ tầng Khu chế xuất 1 thuộc Khu kinh tế cửa khẩu Đồng Đăng - Lạng Sơn	SKC	70,00		70,00	Xã Hồng Phong, Phú Xá	GCN đăng ký Đầu tư số 4687288808 Chứng nhận lần đầu: Ngày 31 tháng 01 năm 2018; Chứng nhận điều chỉnh lần thứ nhất: Ngày 19 tháng 4 năm 2022 Chứng nhận điều chỉnh lần thứ hai: Ngày 25 tháng 10 năm 2023	Chưa thực hiện, điều chỉnh diện tích, đang thực hiện
	ĐẤT GIAO THÔNG							

STT	Hạng mục công trình, dự án	Mã QH	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp xã)	Văn bản pháp lý	Ghi chú
			Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm			
27	Dự án tuyến cao tốc cửa khẩu Hữu Nghị - Chi Lăng theo hình thức BOT	DGT	209,69		209,69	Các xã: Hợp Thành, Yên Trạch, Thụy Hùng, Gia Cát, Thạch Đạn, Phú Xá, Hồng Phong, Bảo Lâm, TT. Cao Lộc và TT. Đồng Đăng	Quyết định số 2014/QĐ-UBND ngày 04/12/2023 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Dự án tuyến cao tốc cửa khẩu Hữu Nghị - Chi Lăng theo hình thức BOT	Chưa thực hiện, điều chỉnh quy mô, loại đất (ĐCKH 2024)
28	Cải tạo, nâng cấp đường Cao Lộc - Ba Sơn (ĐH.28), huyện Cao Lộc tỉnh Lạng Sơn	DGT	55,43	25,27	30,15	xã Hòa Cư, Hải Yến, Hợp Thành, Cao Lâu	Nghị Quyết 15/NQ-HĐND ngày 13/7/2020 về chủ trương đầu tư dự án Quyết định số 789/QĐ-UBND ngày 13/4/2021 của UBND tỉnh Lạng Sơn phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình	Đang thực hiện
29	Bến xe, trạm trung chuyển hàng khách – hàng hóa; điểm tập kết kiểm tra hàng hóa xuất nhập khẩu tại cửa khẩu Quốc tế Hữu Nghị huyện Cao Lộc	DGT	25,59	18,50	7,09	Xã Bảo Lâm, thị trấn Đồng Đăng	Quyết định số 1117/QĐ-UBND ngày 22/6/2017 của UBND tỉnh; Quyết định số 698/QĐ-UBND ngày 02/3/2018 của UBND huyện Cao Lộc Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư đồng tời chấp nhận nhà đầu tư số 07/QĐ-BQLKKTCK ngày 12/2/2022 - Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 8381073358 ngày 12/02/2022 - Quyết định số 2886/QĐ-UBND ngày 29/8/2019 của UBND huyện Cao Lộc phê duyệt điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 - QUyết định 4216/QĐ-UBND ngày 13/9/2021 của UBND huyện Cao Lộc phê duyệt điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500	Đang thực hiện
30	Sửa chữa, cải tạo điểm mất an toàn giao thông đoạn Km9+700 – Km10+200 QL.1B, tỉnh Lạng Sơn	DGT	1,26		1,26	Xã Bình Trung	Quyết định số 5794/QĐ-TCĐBVN ngày 19/11/2021 của Tổng cục Đường bộ Việt Nam	Đã thực hiện xong
31	Mở rộng đường vận chuyển hàng hóa chuyên dụng tại khu vực mốc 1119-1120 cửa khẩu quốc tế Hữu Nghị, huyện Cao Lộc	DGT, DRA	17,07		17,07	TT Đồng Đăng, Xã Bảo Lâm	Nghị quyết số 39/NQ-HĐND ngày 25/11/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lạng Sơn về chủ trương đầu tư dự án Mở rộng đường vận chuyển hàng hoá chuyên dụng tại khu vực mốc 1119 - 1120 cửa khẩu quốc tế Hữu Nghị, huyện Cao Lộc; Nghị quyết số 27/NQ-HĐND ngày 21/11/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lạng Sơn về điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án Quyết định số 2055/QĐ-UBND ngày 27/12/2022 Về việc phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng Dự án: Mở rộng đường vận chuyển hàng hóa chuyên dụng tại khu vực mốc 1119 - 1120 cửa khẩu quốc tế Hữu Nghị, huyện Cao Lộc Quyết định số 865/QĐ-TTg ngày 17/8/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án thí điểm xây dựng cửa khẩu thông minh	Chưa thực hiện, điều chỉnh diện tích
DGT	*Đường vận chuyển hàng hóa chuyên dụng tại khu vực mốc 1119-1120*		*9,54*		*9,54*	*TT Đồng Đăng*		

STT	Hạng mục công trình, dự án	Mã QH	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp xã)	Văn bản pháp lý	Ghi chú
			Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm			
DRA	*Bãi đổ thải phục vụ dự án Mở rộng đường vận chuyển hàng hóa chuyên dụng tại khu vực mốc 1119-1120 cửa khẩu quốc tế Hữu Nghị, huyện Cao Lộc*		*7,53*		*7,53*	*Xã Bảo Lâm*		
32	Đường vào trung tâm xã Xuân Long - Tràng Các, huyện Cao Lộc, huyện Văn Quan	DGT	10,94		10,94	Xã Tân Thành; Xuân Long	Nghị Quyết số 52/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của HĐND tỉnh về Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 tỉnh Lạng Sơn; Quyết định số 1442/QĐ-UBND ngày 21/7/2021 của UBND tỉnh Lạng Sơn Quyết định số 1730/QĐ-UBND ngày 30/10/2014 của UBND tỉnh Lạng Sơn về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình Đường vào trung tâm xã Xuân Long, xã Tràng Các, huyện Cao Lộc, huyện Văn Quan; Quyết định số 1442/QĐ-UBND ngày 20/7/2021 của UBND tỉnh Lạng Sơn phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng công trình Đường vào trung tâm xã Xuân Long, xã Tràng Các, huyện Cao Lộc, huyện Văn Quan	Chưa thực hiện, điều chỉnh loại đất lấy vào, đang thực hiện
33	Đường Pò Nghiều - Phú Xá - Hồng Phong (ĐH.26)	DGT	0,40		0,40	Xã Hồng Phong	Quyết định số 2483/QĐ-UBND ngày 22/7/2021 của UBND huyện Cao Lộc phê duyệt báo cáo KTKT xây dựng công trình ĐH.26	Bỏ
34	Bến xe phía Nam thành phố Lạng Sơn	DGT	4,68	4,16	0,52	Xã Yên Trạch	Công văn số 309/UBND-KTN ngày 19/4/2012 của UBND tỉnh	Bỏ
35	Bến xe ô tô hàng hóa xuất nhập khẩu	DGT	10,00		10,00	Xã Thụy Hùng	Quyết định số 863/QĐ-UBND ngày 18/5/2022 của UBND tỉnh Lạng Sơn về việc chấp thuận chủ trương đầu tư, đồng thời chấp thuận nhà đầu tư dự án Bến xe ô tô hàng hoá xuất nhập khẩu	Bỏ
36	Cải tạo các ga trên các tuyến đường sắt phía Bắc (Hạng mục ga Đồng Đăng)	DGT	3,80		3,80	TT Đồng Đăng	Quyết định số 1751/QĐ-BGTVT ngày 04/10/2021 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Cải tạo các ga trên các tuyến đường sắt phía Bắc	Đang thực hiện
	ĐẤT NĂNG LƯỢNG							
37	Nhà máy điện rác Lạng Sơn	DNL	12,35		12,35	Xã Bình Trung	Tờ trình số 122/TTr-UBND ngày 22/9/2021 của UBND tỉnh Lạng Sơn về đề nghị bổ sung dự án Nhà máy điện rác Lạng Sơn,	Bỏ
38	Thủy điện Khánh Khê, xã Khánh Khê, huyện Văn Quan và xã Bình Trung, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn. (Bổ sung các hộ ngập nước do thủy điện tích nước)	DNL	0,08		0,08	Xã Bình Trung	Công văn 76/2022/CV-KK ngày 05/10/2022 của Công ty cổ phần thủy điện Khánh Khê	Đã thực hiện
39	Nhà trực vận hành xã Tân Thành	DNL	0,12		0,12	Xã Tân Thành	Văn bản 1780/PCLS-BQLDA ngày 31/07/2020 v/v đăng ký danh mục kế hoạch ĐTXD khác năm 2022 Văn bản 913/PCLS-BQLDA ngày 12/5/2022 về việc đăng ký KH ĐTXD năm 2023	Bỏ

STT	Hạng mục công trình, dự án	Mã QH	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp xã)	Văn bản pháp lý	Ghi chú
			Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm			
40	Nhà trực vận hành xã Gia Cát	DNL	0,12		0,12	Xã Gia Cát	Văn bản 1780/PCLS-BQLDA ngày 31/07/2020 v/v đăng ký danh mục kế hoạch ĐTXD khác năm 2022 Văn bản 913/PCLS-BQLDA ngày 12/5/2022 về việc đăng ký KH ĐTXD năm 2023	Bỏ
41	Công trình năng lượng	DNL	0,20		0,20	Các xã và thị trấn		Bỏ
42	Xuất tuyến trung áp 22kV lộ 471,473 sau TBA 110kV Cao Lộc	DNL	0,08		0,08	Các xã, thị trấn	Quyết định 1142/QĐ-EVNNPC ngày 26/5/2022 về việc duyệt danh mục và tạm giao kế hoạch vốn công trình ĐTXD	Chưa thực hiện
43	Xuất tuyến trung áp 22kV lộ 475,477 sau TBA 110kV Cao Lộc	DNL	0,05		0,05	Các xã, thị trấn	Quyết định 1142/QĐ-EVNNPC ngày 26/5/2022 về việc duyệt danh mục và tạm giao kế hoạch vốn công trình ĐTXD Q.định 613/QĐ-PCLS ngày 18/8/2022 phê duyệt Báo cáo KT-KT Đ.Tư XD công trình	Chưa thực hiện
44	Đường dây và TBA 110KV Bình Gia	DNL	0,95		0,95	Xã Hồng Phong, Phú Xá, Bình Trung	Quyết định số 880/QĐ-BCT ngày 10/04/2019 của Bộ trưởng Bộ Công thương về việc phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng công trình; Quyết định số 714/QĐ-BCT ngày 03/03/2020 của Bộ trưởng Bộ Công thương về việc phê duyệt thiết kế kỹ thuật, Thiết kế bản vẽ thi công và dự toán tiểu dự án đường dây 110kV và TBA 110KV Bình Gia	Chưa thực hiện, điều chỉnh tên, diện tích
45	Cải tạo đường dây 110kV Bắc Giang - Lạng Sơn (xã Tân Thành, huyện Cao Lộc)	DNL	0,10		0,10	Xã Tân Thành	Văn bản số 229/BDAĐL-ĐHDA2 của Tổng công ty điện lực Miền Bắc Quyết định số 301/QĐ-EVNNPC ngày 31/12/2020 của Tổng cục Công ty điện lực miền bắc về việc phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi ĐTXD công trình Quyết định 299/QĐ-EVNNPC ngày 15/2/2022 Phê duyệt Thiết kế kỹ thuật; Thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng công trình Cải tạo đường dây 110kV Bắc Giang - Lạng Sơn	Chưa thực hiện, Điều chỉnh diện tích loại đất lấy vào (ĐCKH 2024)
46	Cấy TBA CQT lưới điện, giảm tổn thất điện năng khu vực huyện Cao Lộc, thành phố Lạng Sơn năm 2021	DNL	0,04		0,04	các xã: Hợp Thành, Gia Cát, Tân Liên	Quyết định số 1111/QĐ-PCLS ngày 06/10/2021 của Công ty Điện lực Lạng Sơn phê duyệt Báo cáo KT-KT Đầu tư xây dựng công trình Đăng ký danh mục ĐTXD	Chưa thực hiện
47	Chống quá tải lưới điện khu vực huyện Cao Lộc	DNL	0,07		0,07	Các xã và thị trấn	Đăng ký danh mục ĐTXD	Bỏ
48	Lắp đặt thiết bị Recloser cho lưới điện trung áp 35kV	DNL	0,04		0,04	Các xã và thị trấn	Đăng ký danh mục ĐTXD	Bỏ
49	Cải tạo, bổ sung lộ ĐZ cho các TBA phân phối khu vực huyện Cao Lộc và các huyện.	DNL	0,07		0,07	Các xã và thị trấn	Đăng ký danh mục ĐTXD	Bỏ
50	Kết nối mạch vòng giảm bán kính cấp điện, giảm tổn thất điện năng khu vực các huyện Cao Lộc, Lộc Bình, Tràng Định, Văn Quan năm 2022	DNL	0,05		0,05	Các xã và thị trấn	Đăng ký danh mục ĐTXD Quyết định số 2122/QĐ-EVNNPC ngày 26/08/2021 của Tổng Công ty Điện lực miền Bắc về việc duyệt danh mục và tạm giao KHV công trình ĐTXD năm 2022 cho Công ty Điện lực Lạng Sơn	Đã thực hiện xong
51	Đường dây 110kV từ TBA 220kV Lạng Sơn - Đồng Đăng (mạch 2)	DNL	0,21		0,21	Các xã Phú Xá, Hồng Phong	Quyết định 2565/QĐ-EVNNPC ngày 07/10/2021 của Tổng công ty Điện lực miền Bắc về việc duyệt thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng dự án Đăng ký danh mục ĐTXD	Bỏ

STT	Hạng mục công trình, dự án	Mã QH	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp xã)	Văn bản pháp lý	Ghi chú
			Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm			
52	Cải tạo lưới 22kV nâng cao hiệu quả mạch vòng phía Bắc và phía Đông Thành Phố Lạng Sơn	DNL	0,04		0,04	Thị trấn Cao Lộc	Q.định 782/QĐ-EVN-NPC ngày 13/4/2023 Q.định phê duyệt danh mục và tạm giao KHV công trình ĐTXD bổ sung năm 2023 Q.định 526/QĐ-PCLS ngày 25/6/2023 phê duyệt Báo cáo KT-KT Đ.Tư XD công trình	Chưa thực hiện
53	Cấy TBA CQT giảm bán kính, giảm tổn thất điện năng khu vực Thành Phố Lạng Sơn năm 2024	DNL	0,03		0,03	Xã Phú Xá, xã Thụy Hùng, thị trấn Cao Lộc, xã Gia Cát	Quyết định số 1296/QĐ-EVNNPC ngày 15/6/2023 của Tổng công ty Điện lực miền Bắc duyệt danh mục và tạm giao kế hoạch vốn công trình ĐTXD năm 2024	Chưa thực hiện
54	Triển khai tự động hóa mạch vòng lưới điện trung áp khu vực tỉnh Lạng Sơn năm 2024	DNL	0,06		0,06	Xã Hải Yến, Công Sơn	Quyết định số 1296/QĐ-EVNNPC ngày 15/6/2023 của Tổng công ty Điện lực miền Bắc duyệt danh mục và tạm giao kế hoạch vốn công trình ĐTXD năm 2024	Chưa thực hiện
55	Cải tạo nâng cao năng lực mạch vòng 373 E13.8 Cao Lộc -376E13.2 Lạng Sơn khu vực Bằng Khánh - Mẫu Sơn năm 2025	DNL	0,07		0,07	Xã Công Sơn	Quyết định 782/QĐ-EVN-NPC ngày 13/4/2023 quyết định phê duyệt danh mục và tạm giao KHV công trình ĐTXD bổ sung năm 2023	Chưa thực hiện, điều chỉnh tên dự án
56	Nâng cao độ tin cậy cung cấp lưới điện trung áp 22kV khu vực thành phố Lạng Sơn, 35kV khu vực huyện Hữu Lũng, Cao Lộc theo phương án đa chia đa nối (MDMC) năm 2024	DNL	0,04		0,04	Xã Thụy Hùng, xã Phú Xá	Công văn 1792/PCLS-QLDA+KT ngày 17/8/2023 về việc đăng ký danh mục ĐTXD công trình Quyết định 1318/QĐ-PCLS ngày 24/11/2023 duyệt Báo cáo KT-KT công trình.	Chưa thực hiện
57	Cải tạo lưới điện hạ áp nông thôn các xã Tân Liên, Lộc Yên, Thụy Hùng, Thạch Đạn, Gia Cát, TT Đồng Đăng, TT Cao Lộc, huyện Cao Lộc	DNL	0,06		0,06	Xã Tân Liên, Lộc Yên, Thụy Hùng, Thạch Đạn, Gia Cát, TT Đồng Đăng, TT Cao Lộc	Quyết định số 2392/QĐ-EVNNPC ngày 16/10/2023 của Tổng công ty Điện lực miền Bắc, về việc phê duyệt danh mục và tạm giao KHV công trình ĐTXD bổ sung năm 2023 cho Công ty Điện lực Lạng Sơn Quyết định 1238/QĐ-PCLS ngày 17/11/2023 duyệt Báo cáo KT-KT công trình.	Chưa thực hiện
58	Cải tạo đường dây 110kV Bắc Giang - Lạng Sơn (xã Tân Thành, huyện Cao Lộc)	DNL	0,10		0,10	Xã Tân Thành	Văn bản số 229/BDAĐL-ĐHDA2 của Tổng công ty điện lực Miền Bắc Quyết định số 301/QĐ-EVNNPC ngày 31/12/2020 của Tổng cục Công ty điện lực miền bắc về việc phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi ĐTXD công trình Quyết định 299/QĐ-EVNNPC ngày 15/2/2022 Phê duyệt Thiết kế kỹ thuật; Thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng công trình Cải tạo đường dây 110kV Bắc Giang - Lạng Sơn	Chưa thực hiện, Điều chỉnh diện tích loại đất lấy vào (ĐCKH 2024)
59	Nâng cao độ tin cậy cung cấp điện lưới trung áp 35kV khu kinh tế cửa khẩu Đồng Đăng - Lạng Sơn, khu công nghiệp Hồng Phong theo phương án đa chia đa nối (MDMC)	DNL	0,07		0,07	Các xã, thị trấn	Quyết định số 1065/QĐ-PCLS ngày 21/12/2022 của Công ty Điện lực Lạng Sơn về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình: Nâng cao độ tin cậy cung cấp điện lưới trung áp 35kV khu kinh tế cửa khẩu Đồng Đăng - Lạng Sơn, khu công nghiệp Hồng Phong theo phương án đa chia đa nối (MDMC)	Chưa thực hiện, Điều chỉnh diện tích loại đất lấy vào (ĐCKH 2024)
60	Xuất tuyến trung áp lộ 371,373,375 sau TBA 110kV Cao Lộc	DNL	0,03		0,03	Xã Gia Cát	Quyết định số 618/QĐ-BCT ngày 19/8/2022 của Giám đốc Công ty Điện lực Lạng Sơn Về việc phê duyệt Báo cáo Kinh tế -kỹ thuật đầu tư xây dựng Công trình: Xuất tuyến trung áp 371, 373, 375 sau TBA 110kV Cao Lộc (địa bàn huyện Cao Lộc)	Chưa thực hiện, Điều chỉnh diện tích loại đất lấy vào (ĐCKH 2024)

STT	Hạng mục công trình, dự án	Mã QH	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp xã)	Văn bản pháp lý	Ghi chú
			Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm			
61	Cấy TBA CQT giảm bán kính, giảm tổn thất điện năng khu vực Thành Phố Lạng Sơn năm 2024	DNL	0,01		0,01	Xã Thụy Hùng	Quyết định số 1296/QĐ-EVNNPC ngày 15/6/2023 của Tổng công ty Điện lực miền Bắc duyệt danh mục và tạm giao kế hoạch vốn công trình ĐTXD năm 2024	Chưa thực hiện (ĐCKH 2024)
62	Cấy TBA CQT giảm bán kính, giảm tổn thất điện năng khu vực các huyện Chi Lăng, Hữu Lũng, Cao Lộc, Thành Phố Lạng Sơn năm	DNL	0,07		0,07	Các xã: Gia Cát, Yên Trạch.	Công văn số 438/PCLS-KT+QLDA ngày 08/3/2024 của Công ty Điện lực Lạng Sơn về việc đăng ký danh mục ĐTXD công trình lưới điện THA năm 2025	Chưa thực hiện (ĐCKH 2024)
63	Nâng cao chất lượng của lưới điện hạ áp năm 2024-2025 cho các TBA CC khu vực phường Chi Lăng, xã Hoàng Đồng, Mai Pha, Quảng Lạc, TP Lạng Sơn; xã Hồng Phong, Gia Cát, Thụy Hùng, Hợp Thành, Xuất Lễ	DNL	0,09		0,09	Các xã: Hồng Phong, Gia Cát, Thụy Hùng, Hợp Thành, Xuất Lễ	Công văn số 438/PCLS-KT+QLDA ngày 08/3/2024 của Công ty Điện lực Lạng Sơn về việc đăng ký danh mục ĐTXD công trình lưới điện THA năm 2025	Chưa thực hiện (ĐCKH 2024)
	ĐẤT CƠ SỞ VĂN HÓA		**2,56**		**2,56**			
64	Nhà văn hóa khối trên địa bàn TT Cao Lộc	DVH	0,12		0,12	TT Cao Lộc		Bỏ (thực hiện thủ tục giao đất)
65	Chuyển đất giáo dục sang đất văn hóa (trường tiểu học điểm An Tri, Xuân Lũng)	DVH	0,26		0,26	Xã Bình Trung	Quy hoạch xây dựng Nông thôn mới	Bỏ (thực hiện thủ tục giao đất)
66	Nhà văn hóa thôn, khối, xã trên địa bàn huyện Cao Lộc	DVH	0,86		0,86	Các xã, thị trấn		Bỏ (thực hiện thủ tục giao đất)
	ĐẤT XÂY DỰNG CƠ SỞ Y TẾ							
67	Trạm y tế xã Tân Liên	DYT	0,12		0,12	Xã Tân Liên	Quy hoạch nông thôn mới	Bỏ (thực hiện thủ tục giao đất)
	ĐẤT CƠ SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO							
68	Mở rộng trường mầm non xã Cao Lâu (trường chính) tại thôn Bản Đon	DGD	0,53	0,03	0,50	Xã Cao Lâu	Nghị quyết số 176/NQ-HĐND ngày 30/6/2021 của HĐND huyện Cao Lộc Quyết định số 1636/QĐ-UBND ngày 10/6/2024 của UBND huyện Cao Lộc về Phê duyệt điều chỉnh điều chỉnh chủ trương đầu tư, nguồn vốn và khả năng cân đối vốn	Đang thực hiện
69	Quy hoạch Tiểu học và Trường trung học cơ sở xã Bảo Lâm	DGD	0,90		0,90	Xã Bảo Lâm	Theo quy hoạch chung xây dựng NTM	Đang thực hiện
70	Mở rộng trường THCS xã Cao Lâu	DGD	0,20		0,20	Xã Cao Lâu	Đảm bảo tiêu chí nông thôn mới	Chưa thực hiện
71	Mở rộng trường Tiểu học xã Tân Liên	DGD	0,16		0,16	Xã Tân Liên	Đảm bảo tiêu chí nông thôn mới	Đang thực hiện
72	Mở rộng trường THCS xã Yên Trạch	DGD	0,61	0,31	0,30	Xã Yên Trạch	Theo quy hoạch chung xây dựng NTM	Bỏ
	ĐẤT XÂY DỰNG CƠ SỞ THỂ DỤC THỂ THAO		**1,52**	**1,52**				
73	San ủi mặt bằng nhà văn hóa, sân thể thao xã Phú Xá	DTT	1,00		1,00	Xã Phú Xá		Bỏ
74	Sân thể thao xã Gia Cát	DTT	1,30		1,30	Xã Gia Cát	Quy hoạch sử dụng đất được duyệt	Bỏ do không đủ chỉ tiêu phân bổ

STT	Hạng mục công trình, dự án	Mã QH	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp xã)	Văn bản pháp lý	Ghi chú
			Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm			
75	Sân thể thao các thôn xã Gia Cát	DTT	0,17		0,17	Xã Gia Cát	Quy hoạch sử dụng đất được duyệt	Bỏ do không đủ chỉ tiêu phân bổ
76	Sân thể thao xã Bảo Lâm	DTT	1,10		1,10	Xã Bảo Lâm	Quy hoạch sử dụng đất được duyệt	Bỏ
	ĐẤT CÓ DI TÍCH LỊCH SỬ - VĂN HÓA							
77	Tôn tạo và phát huy giá trị Di tích Địa điểm Thủy Môn Đình, thị trấn Đồng Đăng, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn	DDD	4,90		4,90	Thị trấn Đồng Đăng	Thông báo số 353/TB-UBND ngày 31/7/2018 của UBND tỉnh Quyết định số 1204/QĐ-UBND ngày 03/8/2023 Điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025 tỉnh Lạng Sơn	Đang thực hiện
78	Tôn tạo, nâng cấp di tích đình Háng Pài xã Thụy Hùng, huyện Cao Lộc	DDD	0,36		0,36	Xã Thụy Hùng	Xã đăng ký nhu cầu	Cập nhật hiện trạng
79	Khu lưu niệm di tích Khu du kích Ba Sơn	DDD	2,50	1,80	0,70	Xã Xuất Lễ	Quyết định số 2577/QĐ-UBND ngày 18/12/2018 của UBND tỉnh v/v phê duyệt đồ án quy hoạch tổng thể Khu lưu niệm di tích Khu du kích Ba Sơn và di tích chùa Bắc Nga, huyện Cao Lộc	Chưa thực hiện
	ĐẤT BÃI THẢI, XỬ LÝ CHẤT THẢI							
80	Xây dựng bãi gom rác thải	DRA	0,10		0,10	Xã Gia Cát		Bỏ
81	Bãi đổ thải thực hiện dự án: Đầu tư xây dựng dự án tuyến cao tốc cửa khẩu Hữu Nghị - Chi Lăng theo hình thức BOT	DRA	12,39		12,39	Xã Hợp Thành, Xã Hồng Phong, Xã Thụy Hùng, Xã Phú Xá	Quyết định số 2014/QĐ-UBND ngày 04/12/2023 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Dự án tuyến cao tốc cửa khẩu Hữu Nghị - Chi Lăng theo hình thức BOT; Quyết định số 427/QĐ-UBND ngày 06/3/2024 của UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh dự án; Công văn số 368/2024/CV-BQLDA ngày 08/7/2024 của BQL dự án cao tốc Hữu Nghị - Chi Lăng	Chưa thực hiện, điều chỉnh diện tích
82	Bãi đổ thải, đất đá tại địa bàn các xã	DRA	4,49		4,49	Các xã	QHSD đất đến 2030 của huyện Cao Lộc	Bỏ
83	Bãi đổ thải tại xã Phú Xá	DRA	1,50		1,50	Xã Phú Xá		Bỏ
84	Bãi đổ thừa tại xã Bình Trung	DRA	1,00		1,00	Xã Bình Trung		Bỏ
	ĐẤT XÂY DỰNG CƠ SỞ DỊCH VỤ XÃ HỘI							
85	Trung tâm chăm sóc sức khỏe người cao tuổi	DXH	3,01	1,52	1,49	Xã Hợp Thành	Quyết định số 1837/QĐ-UBND ngày 18/9/2020 của UBND tỉnh Lạng Sơn về việc phê duyệt chủ trươngđầu tư dự án Trung tâm chăm sóc sức khỏe người cao tuổi; Giấy chứng nhận đầu tư số 8341670173, chứng nhận lần đầu ngày 21/9/2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lạng Sơn cấp	Bỏ
	ĐẤT XÂY DỰNG TRỤ SỞ CỦA TỔ CHỨC SỰ NGHIỆP							
86	Trụ sở mới Trạm Kiểm dịch động vật, Trạm kiểm dịch y tế và Trạm cấp nước	DSK	0,40		0,40	TT Đồng Đăng	Thông báo số 517/TB-UBND ngày 21/9/2022 của UBND tỉnh	Chưa thực hiện
87	Nhà công vụ trạm khí tượng	DKT	0,05		0,05	Xã Công Sơn		Chưa thực hiện (ĐCKH 2024)
88	Nhà công vụ VOV	DSK	0,05		0,05	Xã Công Sơn		Chưa thực hiện

STT	Hạng mục công trình, dự án	Mã QH	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp xã)	Văn bản pháp lý	Ghi chú
			Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm			
	ĐẤT CƠ SỞ TÍN NGƯỠNG							
89	Công trình xây dựng tại đồi Cốc Cọt	TIN	2,00		2,00	Xã Thanh Lòa	Xã đăng ký nhu cầu	Bỏ
	ĐẤT XÂY DỰNG TRỤ SỞ CƠ QUAN							
90	Trụ sở UBND xã Bảo Lâm	TSC	0,50		0,50	Xã Bảo Lâm		Bỏ
	ĐẤT KHU DÂN CƯ, KHU ĐÔ THỊ							
91	Khu dân cư tại xã Hoàng Đồng, thành phố Lạng Sơn và xã Hợp Thành, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn	KDC	2,06		2,06	Xã Hợp Thành	Quyết định số 196/QĐ-UBND ngày 31/01/2020 của UBND tỉnh Lạng Sơn;	Đang thực hiện (Năm 2024 đã thu hồi 0,34 ha)
92	Khu dân cư Hợp Thành	KDC	28,40		28,40	Xã Hợp Thành, TT Cao Lộc	Quyết định số 1291/QĐ-UBND ngày 14/7/2017 của UBND tỉnh Lạng Sơn Công văn số 472/TTg-NN ngày 29/5/2023 của Thủ tướng Chính phủ V/v chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn; Quyết định số 73/QĐ-BNLS ngày 08/11/2019 của Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Đầu tư Bác Nguyên Lạng Sơn về phê duyệt dự án Xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu dân cư Hợp Thành	Chưa thực hiện
93	Khu tái định cư dự án Khu trung chuyển hành hóa thuộc khu kinh tế cửa khẩu Đồng Đăng - Lạng Sơn	KDC	5,60		5,60	Xã Phú Xá	Quyết định số 2213/QĐ-UBND của UBND huyện Cao Lộc ngày 18/7/2022	Chưa thực hiện
94	Khu dân cư Khối III, thị trấn Cao Lộc	KDC	11,84		11,84	Thị trấn Cao Lộc	Quyết định số 114/QĐ-UBND ngày 21/01/2020 của UBND tỉnh phê duyệt Quy hoạch chi tiết; Quyết định số 1500/QĐ-UBND ngày 16/9/2022 của UBND tỉnh về chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư	Bỏ
95	Mở rộng Khu Tái định cư Hoàng Văn Thụ, thị trấn Đồng Đăng, huyện Cao Lộc	KDC	4,79	3,50	1,29	TT Đồng Đăng, xã Hồng Phong	Quyết định số 1732/QĐ-UBND ngày 30/10/2014 của UBND tỉnh	Đã thực hiện xong
96	Khu đô thị Mỹ Sơn, thành phố Lạng Sơn và huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn **(Tổng quy mô dự án là 34,76 ha)**	KĐT	6,05		6,05	Xã Hợp Thành, TT Cao Lộc	Thông báo số 283/TB-UBND ngày 28/5/2021 của UBND tỉnh Lạng Sơn	Bỏ
97	Khu hành chính - Đô thị thị trấn Đồng Đăng, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn	KĐT	16,35		16,35	Xã Phú Xá, Thị trấn Đồng Đăng	Quyết định số 1988/QĐ-UBND ngày 06/10/2021 của UBND tỉnh Lạng Sơn về việc phê duyệt kết quả lựa chọn Nhà đầu tư thực hiện dự án	Bỏ
98	Khu dân cư cụm công nghiệp Hợp Thành, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn	KDC	6,35		6,35	TT Cao Lộc	Quyết định số 3116/QĐ-UBND ngày 18/9/2020 của UBND huyện về phê duyệt đồ án điều chỉnh QHCT xây dựng	Chưa thực hiện
99	Khu đô thị mới và tái định cư khối 1, thị trấn Cao Lộc **(Tổng quy mô dự án là 8,38 ha)**	KĐT	8,38		8,38	Thị trấn Cao Lộc	Thông báo số 158/TB-UBND ngày 27/3/2021 của UBND tỉnh Lạng Sơn; Công văn số 03/2021/CV ngày 02/6/2021 của Liên danh Cty Tân Phú Lạng Sơn và Cty Nam Sơn	Bỏ
100	Khu dân cư N20 thị trấn Cao Lộc	KĐT	15,80	11,80	4,00	Thị trấn Cao Lộc	Quyết định số 2050/QĐ-UBND ngày 02/10/2008 của UBND tỉnh Lạng Sơn	Bỏ
101	Khu tái định cư và khu dân cư Khu chế xuất 1	KDC	4,90		4,90	Xã Hồng Phong	Thông báo số 438/TB-UBND ngày 19/9/2018 của UBND tỉnh Lạng Sơn Quyết định số 623/QĐ-UBND ngày 16/3/2021 của UBND huyện Cao Lộc về phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng dự án	Đang thực hiện

STT	Hạng mục công trình, dự án	Mã QH	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp xã)	Văn bản pháp lý	Ghi chú
			Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm			
102	Khu đô thị Green Garden tại xã Mai Pha, thành phố Lạng Sơn và xã Yên Trạch huyện Cao Lộc	KDC	12,23		12,23	Xã Yên Trạch	Quyết định 1646/QĐ-UBND ngày 17/10/2022 Về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết khu đô thị Green Garden tại xã Mai Pha, thành phố Lạng Sơn và xã Yên trạch, huyện Cao Lộc, tỷ lệ 1/500 Quyết định số 1212/QĐ-UBND ngày 03/08/2023 của UBND tỉnh về chấp thuận chủ trương đầu tư; Quyết định số 743/QĐ-UBND ngày 21/04/2024 của UBND tỉnh về chấp thuận nhà đầu tư	Chưa thực hiện, điều chỉnh diện tích
103	Khu đô thị - Thương mại dịch vụ Tây Đồng Đăng (Khu thương mại dịch vụ SH Đồng Đăng) (Tổng quy mô dự án là 46,20 ha)	KĐT	2,84		2,84	Xã Hồng Phong	Công văn số 08/ĐN-DA/2023 ngày 09/8/2023 của Công ty cổ phần thương mại SH LAND	Bỏ
104	Khu tái định cư phục vụ Dự án tuyến cao tốc cửa khẩu Hữu Nghị - Chi Lăng theo hình thức BOT	KDC	14,82		14,82	Xã Yên Trạch, Xã Hợp Thành, xã Thụy Hùng		Chưa thực hiện, điều chỉnh diện tích
	CÁC TRƯỜNG HỢPGIAO ĐẤT, ĐẤU GIÁ							
105	Giao đất, đấu giá đất ở, công nhận QSDĐ (thu hồi khu đất của trường Tiểu học Đồng Đăng bị lấn chiếm)	ODT	0,65		0,65	Thị Trấn Đồng Đăng	Công văn 334/UBND-KTN ngày 17/4/2018	Bỏ
106	Giao đất, đấu giá đất ở, công nhận QSDĐ (khu đất của xí nghiệp ô tô cũ)	ODT	0,39		0,39	TT Cao Lộc	Theo kết quả rà soát quỹ đất công, tài sản công trên địa bàn huyện	Chưa thực hiện
107	Giao đất, đấu giá đất ở, công nhận QSDĐ (khu vườn cây ăn quả Bác Hồ cũ)	ODT	1,35		1,35	TT Cao Lộc	Theo kết quả rà soát quỹ đất công, tài sản công trên địa bàn huyện	Chưa thực hiện
108	Giao đất, đấu giá đất ở, công nhận QSDĐ Khu tập thể Công ty giống cây trồng	ODT	0,04		0,04	TT Cao Lộc	Tập thể Công ty giống cây trồng	Chưa thực hiện
109	Giao đất, đấu giá đất ở Khu đất Hạt kiểm lâm (Khu nhà trụ sở tiếp dân và cấp chứng minh thư nhân dân)	ODT	0,02		0,02	TT Cao Lộc	Theo kết quả rà soát quỹ đất công, tài sản công trên địa bàn huyện	Chưa thực hiện
110	Các thửa đất nhỏ hẹp	ODT	0,01		0,01	TT Cao Lộc	Quyết định số 3543/QĐ-UBND ngày 28/11/2023 Phê duyệt danh mục các thửa đất nhỏ hẹp do Nhà nước quản lý tại thị trấn Cao Lộc, huyện Cao Lộc (lần 1)	Chưa thực hiện
111	Giao đất, đấu giá đất ở, công nhận QSDĐ (thu hồi đất của Thửa đất Nhà xuất khẩu)	ONT	0,02		0,02	Xã Bình Trung	Nhà xuất khẩu cũ	Chưa thực hiện
112	Giao đất tái định dự án Kho bãi tạm giữ phương tiện vi phạm trật tự an toàn giao thông - Công an tỉnh Lạng Sơn	ONT	0,03		0,03	Xã Yên Trạch	Xã đăng ký nhu cầu	Chưa thực hiện
113	Đấu giá đất ở	ONT	0,07		0,07	Xã Hợp Thành	Xã đăng ký nhu cầu	Chưa thực hiện
2.2	**Các công trình, dự án chuyển mục đích sử dụng đất**							
	ĐẤT Ở CỦA HỘ GIA ĐÌNH CÁ NHÂN							
114	Chuyển đổi đất ở cho hộ gia đình cá nhân	ODT	1,75		1,75	Các thị trấn	Xã đăng ký nhu cầu	Chưa thực hiện (cân đối với chỉ tiêu phân bổ)

STT	Hạng mục công trình, dự án	Mã QH	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp xã)	Văn bản pháp lý	Ghi chú
			Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm			
115	Chuyển đổi đất ở cho hộ gia đình cá nhân	ONT	4,38		4,38	Các xã	Xã đăng ký nhu cầu	Chưa thực hiện (cân đối với chỉ tiêu phân bổ)
	ĐẤT THƯƠNG MẠI, DỊCH VỤ							
116	Dự án đầu tư xây dựng trạm dừng nghỉ Đồng Đăng	TMD	1,93	1,33	0,60	Thị trấn Đồng Đăng, xã Phú Xá	Quyết định số 431/QĐ-UBND ngày 25/3/2016 của UBND tỉnh Lạng Sơn	Đang thực hiện
117	Đầu tư xây dựng Khu nghỉ dưỡng cánh đồng hoa Nhung Ngọc Linh	TMD	2,94	1,26	1,68	Xã Gia Cát	Quyết định số 624/QĐ-UBND ngày 02/04/2019 của UBND tỉnh Lạng Sơn;	Bỏ
118	Xây dựng TTTM Đồng Đăng	TMD	0,08		0,08	Thị trấn Đồng Đăng	Quyết định số 2449/QĐ-UBND ngày 22/12/2005 của UBND tỉnh	Bỏ
119	Khu kinh doanh dịch vụ thương mại tổng hợp, kho, bãi tập kết, sang nhượng hàng hoá và các dịch vụ Logistics	TMD	6,99	3,28	3,71	TT Đồng Đăng	Quyết định số 1023/QĐ-UBND ngày 03/6/2020 của UBND tỉnh Lạng Sơn về điều chỉnh chủ trương ĐTDA Quyết định số 2448/QĐ-UBND ngày 16/12/2021 của UBND tỉnh Lạng Sơn	Đang thực hiện
120	Dự án Trạm bảo dưỡng, sửa chữa xe ô tô của Công ty cổ phần vận tải quốc tế KA	TMD	2,60	1,07	1,53	TT Đồng Đăng	Quyết định số 673/QĐ-UBND ngày 10/4/2019 của UBND tỉnh Lạng Sơn về chủ trương ĐTDA	Đang thực hiện
121	Dự án Khu giới thiệu sản phẩm và kinh doanh thương mại tổng hợp Hữu Nghị của Công ty Cổ phần Đầu tư thương mại Phú Gia Hà Nội	TMD	0,30	0,18	0,12	TT Đồng Đăng	Văn bản số 1286/UBND-KTTH ngày 07/12/2015 của UBND tỉnh Lạng Sơn	Chưa thực hiện
122	Xưởng sửa chữa và bảo dưỡng ô tô Miền Bắc **(Tổng quy mô dự án là 9,8 ha)**	TMD	4,80	1,70	3,10	Xã Thụy Hùng	Văn bản số 130/TB-SKHĐT ngày 14/7/2020 của Sở Kế hoạch và Đầu tư ; Báo cáo số 564/BC-SKHĐT ngày 30/11/20221 của Sở kế hoạch và đầu tư Quyết định 1416/QĐ-UBND ngày 30/8/2022 của UBND tỉnh Lạng Sơn	Bỏ
123	Chuyển mục đích sử dụng đất từ đất nông nghiệp sang đất thương mại, dịch vụ cho hộ gia đình cá nhân	TMD	4,71		4,71	Các xã, thị trấn		Chưa thực hiện, điều chỉnh diện tích
124	Sản xuất nông nghiệp sạch kết hợp giáo dục trải nghiệm và dụ lịch sinh thái	TMD	5,85		5,85	Xã Yên Trạch	Thông báo số 171/TB-SKHĐT ngày 18/5/2023 của Sở Kế hoạch và Đầu tư về kết quả thẩm định hồ sơ đề xuất dự án	Chưa thực hiện, điều chỉnh diện tích (ĐCKH 2024)
	ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP							
125	Hợp tác xã nông nghiệp hữu cơ xã	SKC	0,50		0,50	Xã Xuất Lễ	Tờ trình 224/TTr-UBND ngày 14 tháng 6 năm 2021	Chưa thực hiện
126	Khu sản xuất kinh doanh (Công ty cổ phần 389)	SKC	1,80	1,50	0,30	Xã Hồng Phong	Quy hoạch sử dụng đất được duyệt	Đã thực hiện
127	Xưởng sản xuất bình xịt côn trùng và nạp, chiết khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG) Trường An	SKC	5,93	2,34	3,59	Xã Gia cát	Quyết định số 882/QĐ-UBND ngày 14/5/2018 của UBND tỉnh Lạng Sơn	Bỏ
128	Xưởng sản xuất bánh quy	SKC	0,90		0,90	Xã Yên Trạch	văn bản số 5286/VP-KT ngày 14/11/2022 của Văn phòng UBND tỉnh	Đã thực hiện
129	Bãi trung chuyển rác	SKC	0,82		0,82	Xã Yên Trạch	Xã đăng ký nhu cầu	Bỏ
130	Chuyển mục đích của hộ gia đình cá nhân sang đấât sản xuất kinh doanh	SKC	2,96		2,96	Các xã	Xã đăng ký nhu cầu	Chưa thực hiện (cân đối với chỉ tiêu phân bổ)

STT	Hạng mục công trình, dự án	Mã QH	Diện tích (ha)			Địa điểm (đến cấp xã)	Văn bản pháp lý	Ghi chú
			Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm			
	ĐẤT SỬ DỤNG CHO HOẠT ĐỘNG KHOÁNG SẢN							
131	Nhà máy xi măng Hồng Phong (Công ty cổ phần xi măng Hồng Phong)	SKS	9,03		9,03	Xã Hồng Phong, xã Bình Trung	QĐ số: 34/2020/QĐ - UBND ngày 13/08/2020 của UBND tỉnh Lạng Sơn	Bỏ
132	Mỏ cát sỏi xã Tân Liên, Gia Cát	SKS	15,80	14,80	1,00	Xã Tân Liên, Xã Gia Cát	Quyết định số 34/2020/QĐ-UBND ngày 13/08/2020 của UBND tỉnh Lạng Sơn	Bỏ
133	Mỏ đá Hồng Phong	SKS	27,39	14,89	12,50	Xã Hồng Phong, Xã Phú Xá	QHSD đất đến 2030 của huyện Cao Lộc	Bỏ
134	Đất san lấp thôn Bắc Nga	SKS	13,17		13,17	Xã Gia Cát	Quyết định số 34/2020/QĐ-UBND ngày 13/8/2020 của UBND tỉnh Lạng Sơn	Đã thực hiện
135	Mỏ đá vôi Lũng Tém	SKS	18,78	14,68	4,10	Xã Hồng Phong, xã Bình Trung	Quyết định số 34/2020/QĐ-UBND ngày 13/8/2020 của UBND tỉnh Lạng Sơn	Bỏ
136	Đất san lấp thôn Bản Cằm và thôn Nà Nùng	SKS	3,00		3,00	Xã Hòa Cư, Xã Hợp Thành	Quyết định số 34/2020/QĐ-UBND ngày 13/8/2020 của UBND tỉnh Lạng Sơn	Bỏ
	ĐẤT NÔNG NGHIỆP KHÁC							
137	Trang trại nuôi lơn	CNT	8,28		8,28	Xã Xuân Long	Xã đăng ký nhu cầu	Bỏ
138	Chuyển mục đích sang đất nông nghiệp khác	NKH	44,21		44,21	Xã Gia Cát, Yến Trạch, Hợp Thành, Xuân Long, Bình Trung	Xã đăng ký nhu cầu	Chưa thực hiện